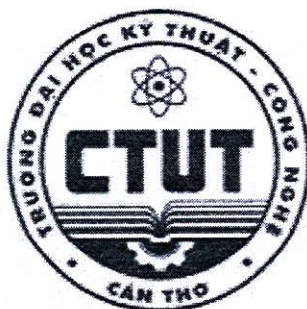


ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT - CÔNG NGHỆ CẦN THƠ



BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Trình độ đào tạo : **Đại học**
Ngành đào tạo : **Luật**
Tên tiếng Anh : **Law**
Mã ngành : **7380101**
Loại hình đào tạo : **Chính quy**
Hình thức đào tạo : **Tập trung**

Cần Thơ, 2021

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo quyết định số: 580/QĐ-ĐHKTCN ngày 25 tháng 11 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ)

1. THÔNG TIN CHUNG

- Tên chương trình bằng tiếng Việt: **Luật**
- Tên chương trình bằng tiếng Anh: **Law**
- Mã ngành: 7380101
- Tên văn bằng: Cử nhân
- Đơn vị cấp bằng: Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Hình thức đào tạo: Tập trung
- Thời gian đào tạo: 4,0 năm
- Số tín chỉ: 130 (không tính các học phần điều kiện: Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất 11TC)
- Đơn vị quản lý: Khoa Khoa học xã hội
- Website: <http://khoakhxh.ctuet.edu.vn>

2. TẦM NHÌN SỨ MẠNG VÀ TRIẾT LÝ GIÁO DỤC CỦA NHÀ TRƯỜNG

2.1 Tầm nhìn

- **Tầm nhìn của trường:** Đến năm 2030, Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ trở thành trường đại học theo định hướng ứng dụng liên ngành kỹ thuật công nghệ phù hợp với xu thế phát triển trong thời kỳ Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

- **Tầm nhìn của Khoa:** Đến năm 2030, Khoa Khoa học xã hội trở thành Khoa đầu ngành của trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ thực hiện nhiệm vụ đào tạo, ứng dụng nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực Ngoại ngữ và pháp lý, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế – xã hội thời kỳ Cách mạng công nghệ công nghiệp 4.0.

2.2 Sứ mạng

- **Sứ mạng của Trường:** Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ có sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực có đạo đức tốt, có chuyên môn cao, có khả năng tiếp cận nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao công nghệ tiên tiến trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ, đáp ứng nhu cầu phát triển của thành phố Cần Thơ, vùng đồng bằng sông Cửu Long và cả nước.

- **Sứ mạng của Khoa:** Khoa Khoa học xã hội là đơn vị đào tạo nguồn nhân lực có đạo đức tốt, có trình độ chuyên môn cao, có khả năng tiếp cận, ứng dụng nghiên cứu khoa học tốt trong lĩnh vực Pháp lý và Luật, đáp ứng nhu cầu phát triển của thành phố Cần Thơ, vùng Đồng bằng sông Cửu Long và cả nước.

2.3. Triết lý giáo dục

Đức trí - Kỹ năng - Sáng tạo - Hội nhập

2.4. Giá trị cốt lõi

Chất lượng - Sáng tạo - Năng động - Phát triển

3. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO (POs)

3.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân ngành Luật có phẩm chất chính trị, ý thức trách nhiệm xã hội, đạo đức nghề nghiệp, có sức khỏe, có kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, có tính kỷ luật cao, đáp ứng tốt nhu cầu về nhân lực có chất lượng, chuyên nghiệp trong lĩnh vực pháp lý của thị trường lao động. Đồng thời, chương trình đào tạo này còn giúp người học có kỹ năng ngoại ngữ, ứng dụng công nghệ thông tin, giao tiếp xã hội,... đáp ứng yêu cầu công việc và mục tiêu học tập suốt đời.

3.2. Mục tiêu cụ thể

Mục tiêu cụ thể của ngành Luật là trang bị cho người học đầy đủ kiến thức, kỹ năng chuyên môn, thái độ chuyên nghiệp, năng lực tự chủ và trách nhiệm làm nền tảng vững chắc cho sự thành công trong hoạt động nghề nghiệp

Mục tiêu cụ thể như sau:

3.2.1. Kiến thức:

Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Luật trang bị các kiến thức cần thiết giúp sinh viên có những kiến thức sau:

PO1: Có kiến thức cơ bản về lý luận chính trị, kinh tế, văn hóa, lịch sử, xã hội, tâm lý con người là nền tảng cho việc tiếp nhận, nghiên cứu và phát triển tri thức về nhà nước và pháp luật để phục vụ phát triển nghề nghiệp và tự hoàn thiện bản thân của người học.

PO2: Trang bị các khối kiến thức cơ sở ngành và kiến thức chuyên ngành gồm kiến thức lý luận và thực tiễn về nhà nước và pháp luật nói chung; kiến thức chuyên sâu về pháp luật và thực tiễn pháp lý Việt Nam hiện hành thuộc các lĩnh vực pháp luật cơ bản cho phép người học có thể vận dụng để giải quyết các vấn đề pháp lý trong các lĩnh vực pháp luật về hành chính, hình sự, dân sự, kinh tế, quốc tế...

3.2.2. Kỹ năng:

PO3: Giúp người học phát triển kỹ năng nhận thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, kỹ năng chuyên môn và kỹ năng mềm cần thiết để làm việc hiệu quả trong môi trường hội nhập, đặc biệt là trong môi trường làm việc thuộc các lĩnh vực hành pháp, lập pháp, tư pháp hoặc các tổ chức, doanh nghiệp để thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn tương xứng với vị trí nghề nghiệp.

3.2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm:

PO4: Đào tạo năng lực làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm với nhóm trong việc hướng dẫn, truyền bá, phổ biến kiến thức thuộc ngành Luật và giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ.

PO5: Giúp người học xây dựng ý thức trách nhiệm đối với cá nhân, cộng đồng; ý thức phục vụ đất nước và đạo đức nghề nghiệp.

3.3. Trình độ ngoại ngữ, tin học

Thực hiện theo quy định hiện hành của nhà Trường về chuẩn đầu ra ngoại ngữ và kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin đối với sinh viên đại học chính quy (Quyết định số 487/QĐ-ĐHKTCN ngày 06 tháng 11 năm 2020).

3.4. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp, cử nhân ngành Luật có thể tham gia các hoạt động áp dụng pháp luật để giải quyết các vấn đề pháp lý tại Tòa án, Viện kiểm sát, Cơ quan thi hành án, Văn phòng Thừa phát lại và các cơ quan tư pháp khác; tham gia các công việc có liên quan đến pháp lý, pháp chế tại các cơ quan thông tấn, truyền thông như phóng viên, biên tập viên về pháp luật; thực hiện các công việc về pháp lý tại các cơ quan nhà nước và tư nhân khác, các cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng, trung cấp... Tư vấn luật, trợ giúp pháp lý, bảo vệ quyền lợi cho khách hàng. Tham gia giảng dạy, nghiên cứu trong lĩnh vực pháp luật.

3.5. Khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Sinh viên sau khi tốt nghiệp chuyên ngành Luật có khả năng học tập nâng cao trình độ: Thạc sĩ, Tiến sĩ.

3.6. Các chương trình tham khảo trong nước

- Chương trình đào tạo ngành Luật của một số trường đại học uy tín trong nước như Trường Đại học Luật Hà Nội, Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh.

4. CHUẨN ĐẦU RA

Chương trình được thiết kế để đảm bảo sinh viên tốt nghiệp đạt được chuẩn đầu ra về kiến thức như sau:

4.1. Kiến thức

PLO1 Có kiến thức cơ bản về Chủ nghĩa Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam và các vấn đề cơ bản về quốc phòng, an ninh đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Có sức khỏe tốt và khả năng tự rèn luyện về thể chất.

PLO2 Hiểu biết về tâm lý con người, về văn hóa xã hội, về kỹ năng giao tiếp, về tính logic; có thể giới quan, nhận sinh quan đúng đắn và có khả năng nhận thức, phân tích, đánh giá các hiện tượng một cách logic và tích cực..

PLO3 Có kiến thức và kỹ năng ngoại ngữ tương đương trình độ bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

PLO4 Có năng lực sử dụng và khai thác tốt các phần mềm tin học văn phòng và Internet.

PLO5 Vận dụng cách viết các văn bản, báo cáo, thư tín, hợp đồng, kiến thức về lưu trữ văn bản vào thực tế công việc.

PLO6 Có kiến thức cơ bản, có hệ thống về nhà nước và pháp luật: về quy luật hình thành, phát triển, những khái niệm, phạm trù cơ bản của nhà nước và pháp luật. Giải thích được các kiến thức cơ bản về Luật và các vấn đề liên quan.

PLO7 Hiểu và vận dụng những kiến thức nền tảng về pháp luật và thực tiễn pháp lý Việt Nam hiện hành thuộc các lĩnh vực pháp luật cơ bản.

PLO8. Vận dụng được kiến thức chuyên sâu về pháp luật và thực tiễn pháp lý Việt Nam hiện hành thuộc các lĩnh vực pháp luật cơ bản.

PLO9 Vận dụng được kiến thức liên ngành về kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa, địa lý, khoa học công nghệ, luật pháp ... góp phần tích cực vào nghiên cứu, thực hiện pháp luật..

PLO10: Vận dụng được các kiến thức chuyên ngành để giải quyết các vấn đề pháp lý trong các lĩnh vực pháp luật về hành chính, hình sự, dân sự, kinh tế và quốc tế.

PLO11: Hiểu, phân tích, vận dụng một cách hiệu quả kiến thức Luật để tư vấn luật, trợ giúp pháp lý, bảo vệ quyền lợi cho khách hàng.

4.2. Kỹ năng

PLO12: Có kỹ năng nghiên cứu, đánh giá tính hợp lý của luật thực định trong mối quan hệ với lý luận, phát hiện và giải quyết các vấn đề từ đơn giản đến phức tạp thuộc lĩnh vực khoa học pháp lý.

PLO13: Có khả năng tìm kiếm, phân tích và đánh giá các văn bản pháp luật có liên quan đến công việc của mình.

PLO14: Có khả năng tư duy phản biện, lập luận và tranh luận; phân tích các tình huống pháp lý từ thực tiễn và đưa ra giải pháp chuyên môn để giải quyết.

PLO15: Có kỹ năng tư vấn, xây dựng lập luận pháp lý và bảo vệ quan điểm cá nhân trong thực hành nghề luật.

PLO16: Có kỹ năng đàm phán và soạn thảo các văn bản có tính pháp lý phục vụ cho các công việc thuộc lĩnh vực pháp luật liên quan đến công việc đảm nhiệm

PLO17: Có kỹ năng giao tiếp, trình bày những giải pháp phức tạp, giải pháp thay thế,... thông qua các báo cáo thuyết trình chuyên môn.

PLO18: Có kỹ năng làm việc nhóm, lập kế hoạch và tổ chức thực hiện công việc, quản lý công việc, đánh giá và cải thiện hiệu quả công việc.

PLO19: Có khả năng tự nghiên cứu chuyên sâu để nâng cao trình độ chuyên môn và các lĩnh vực liên quan cũng như tiếp cận, nghiên cứu và triển khai các hoạt động nghề nghiệp.

4.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

PLO20: Đào tạo năng lực tự nghiên cứu, làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm với tập thể trong việc hướng dẫn, truyền bá, phổ biến kiến thức thuộc ngành Luật. Có khả năng khởi nghiệp trong nghề luật.

PLO21: Có phẩm chất nghề nghiệp cần thiết của một luật gia: trung thực, năng động, tự tin, có trách nhiệm và ý thức phục vụ cộng đồng, hòa hợp và cầu thị; dám nghĩ, dám làm và biết đương đầu với rủi ro; có tinh thần thượng tôn pháp luật, phụng sự công lý; công bằng, liêm chính và nhân văn; có tinh thần làm việc nghiêm túc, khoa học, trách nhiệm với công việc.

5. MA TRẬN LIÊN KẾT GIỮA MỤC TIÊU VÀ CDR CTĐT

Ma trận mục tiêu (POs) và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO) được trình bày ở Bảng 1.

Bảng 1. Ma trận mục tiêu (MT) và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

CHUẨN ĐẦU RA		MỤC TIÊU ĐÀO TẠO				
		Kiến thức		Kỹ năng	Mức tự chủ và trách nhiệm	
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5
Kiến thức	PLO1	X				
	PLO2	X				
	PLO3	X				
	PLO4	X				
	PLO5	X				
	PLO6		X	X	X	
	PLO7		X	X	X	
	PLO8		X	X	X	
	PLO9		X	X	X	
	PLO10		X			
	PLO11		X			
Kỹ năng	PLO12			X	X	
	PLO13			X	X	
	PLO14			X	X	X
	PLO15			X	X	X
	PLO16			X	X	
	PLO17			X	X	
	PLO18			X	X	
	PLO19			X		
Mức tự chủ và trách nhiệm	PLO20				X	X
	PLO21				X	X

6. TIÊU CHÍ TUYỂN SINH

6.1 Thông tin tuyển sinh

Căn cứ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo Đề án tuyển sinh năm 2022 của Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ (www.ctuet.edu.vn).

Vùng tuyển sinh: Thành phố Cần Thơ, vùng ĐBSCL và cả nước.

Đối tượng tuyển sinh: Các thí sinh đã tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT).

Chỉ tiêu tuyển sinh năm 2020: 70

6.2. Phương thức tuyển sinh

- Phương thức 1: Sử dụng kết quả học bạ THPT.

Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào: Tổng điểm trung bình môn của 3 môn theo tổ hợp xét tuyển đạt từ 18 điểm trở lên.

- Phương thức 2: Sử dụng kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT.

Dựa vào kết quả thi THPT, Trường thông báo ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào phù hợp.

- Phương thức 3: Xét tuyển đối với học sinh THPT có học lực khá và hạnh kiểm tốt.

Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào: Học sinh có hạnh kiểm tốt và học lực ba năm THPT đạt loại khá trở lên.

6.3. Tổ hợp xét tuyển:

Khối C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý

Khối D01: Toán, Tiếng Anh, Ngữ văn

Khối D14: Tiếng Anh, Ngữ văn, Lịch sử

Khối D15: Tiếng Anh, Ngữ văn, Địa lý

6.4. Hình thức đăng ký xét tuyển và nộp hồ sơ

- Thí sinh đăng ký xét tuyển theo hướng dẫn của Trường, đồng thời nhập thông tin đăng ký xét tuyển vào Trường trên Cổng tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Thí sinh gửi hồ sơ đăng ký xét tuyển trực tiếp tại Trường hoặc gửi qua đường bưu điện về địa chỉ: Phòng Đào tạo, Trường Đại học Kỹ thuật – Công nghệ Cần Thơ: Số 256 Nguyễn Văn Cừ, phường An Hòa, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

7. QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO

Quy chế đào tạo sử dụng là quy chế đào tạo theo học chế tín chỉ, tạo điều kiện để sinh viên tích cực, chủ động thích ứng với quy trình đào tạo để đạt được những kết quả tốt nhất trong học tập, rèn luyện.

Chương trình đào tạo được thiết kế gồm 08 học kỳ tương ứng với 4 năm học, gồm 130 tín chỉ (không tính các học phần điều kiện: Giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất: 11 TC). Trong đó, thời gian học tập chính thức 4 năm, thời gian học tập tối đa là 08 năm.

8. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

Tại thời điểm tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

Tích lũy đủ học phần và số tín chỉ và hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của chương trình đào tạo; đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo; đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ và ứng dụng công nghệ thông tin theo quy định hiện hành của Nhà trường.

Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên (theo thang điểm 4);
Có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng - An ninh, chứng chỉ Giáo dục thể chất.

9. RUBRIC ĐÁNH GIÁ

Rubric đánh giá trình bày luận văn được thể hiện ở Bảng 2

Bảng 2. Rubric đánh giá trình bày Khóa luận tốt nghiệp

Tiêu chí đánh giá	Nội dung đánh giá	Kém	Trung bình	Khá	Giỏi	Điểm tối đa
1. Hình thức: đúng theo hướng dẫn của Quyết định 239/QĐ-ĐHKTCTN năm 2016		Trình bày không đúng theo hướng dẫn.	Trình bày theo hướng dẫn, nhưng mắc nhiều lỗi chính tả, format bài viết không thống nhất	Trình bày theo hướng dẫn, ít lỗi chính tả, format thống nhất	Trình bày theo hướng dẫn, không có lỗi chính tả, format thống nhất	1
2. Tính mới của đề tài		Đề tài không có tính mới	Đề tài không có tính mới	Đề tài nghiên cứu có tính mới	Đề tài nghiên cứu có tính mới, thể hiện tính sáng tạo	1
3. Nội dung: Vận dụng kiến thức cơ sở ngành, chuyên ngành để tiến hành phân tích, giải thích thực trạng, phân tích nguyên nhân và đưa ra giải pháp cho vấn đề phân tích	Đánh giá tổng quan	+ Báo cáo nhiều lỗi và không chính xác về kiến thức. + Không cung cấp bảng biểu, dữ liệu để minh họa và giải thích các vấn đề + Không thể đánh giá hạn chế và đề xuất hướng giải quyết. + Tài liệu tham khảo có chất lượng thấp hoặc đã bị bỏ qua. + Định dạng và cách bố trí không nhất	+ Vận dụng kiến thức cơ sở ngành để viết tổng quan vấn đề nghiên cứu chính xác về kiến thức có vài sai sót nhỏ trong kiến thức; + Giải quyết vấn đề dựa trên các minh họa hình vẽ, bảng biểu, số liệu tuy nhiên quá ít dữ liệu; + Đánh giá được hạn chế và đề xuất hướng giải quyết tuy nhiên chưa đầy đủ;	+ Vận dụng kiến thức cơ sở ngành để viết tổng quan vấn đề nghiên cứu chính xác về kiến thức tuy nhiên có một vài thiếu sót không quan trọng về kiến thức hoặc không liên quan nhiều đến vấn đề nghiên cứu; + Giải quyết vấn đề dựa trên các minh họa hình vẽ, bảng biểu, số liệu mức độ vừa đủ; + Đánh giá được hạn chế	+ Vận dụng kiến thức cơ sở ngành để viết tổng quan vấn đề nghiên cứu chính xác về kiến thức có trình tự và logic + Giải quyết vấn đề dựa trên các minh họa hình vẽ, bảng biểu, số liệu đầy đủ khoa học; + Đánh giá được hạn chế và đề xuất hướng giải quyết đầy đủ; + Giải quyết vấn đề dựa trên cơ sở	6

Tiêu chí đánh giá	Nội dung đánh giá	Kém	Trung bình	Khá	Giỏi	Điểm tối đa
	giá các số liệu thực nghiệm và kết quả nghiên cứu	thực nghiệm; + Không có phân tích các vấn đề cần giải quyết, hầu hết chỉ là số liệu thực nghiệm và không có độ tin cậy cao. + Không đưa ra kết luận.	không đủ độ tin cậy hoặc không nhiều số liệu được phân tích; + Đánh giá có sử dụng nhưng không nhiều các phép phân tích xử lý số liệu thực nghiệm; + Phân tích không nhiều về các vấn đề cần giải quyết, hầu hết chỉ là số liệu thực nghiệm nhưng không có độ tin cậy cao. + Chưa đưa ra được kết luận từ phân tích hoặc các kết luận không thuyết phục. + Không đánh giá được giới hạn của vấn đề và đề xuất vấn đề nghiên cứu tiếp theo.	thực nghiệm/thiết kế; + Đánh giá có sử dụng hầu hết các phép phân tích xử lý số liệu thực nghiệm; + Phân tích ở mức độ sâu về các vấn đề cần giải quyết tuy nhiên có vài lỗi nhưng không quan trọng + Các kết luận đưa ra hầu hết đều dựa trên phân tích/ giải thích của tác giả tuy nhiên có một số kết luận chưa có tính thuyết phục cao. + Chưa đánh giá được các yếu tố giới hạn của vấn đề nghiên cứu; + Chưa đề xuất được giải pháp hoặc các vấn đề nghiên cứu tiếp theo.	thực nghiệm/thiết kế; + Đánh giá toàn bộ các kết quả thu nhận từ thực nghiệm bằng các phép phân tích xử lý số liệu thực nghiệm hoặc các kết quả giải thích của tác giả cho thấy tác giả đã nghiên cứu sâu vấn đề bàn luận; + Phân tích một cách tổng thể cho thấy tác giả đã giải quyết hoàn chỉnh vấn đề nghiên cứu; + Phân tích, đánh giá và tổng hợp được các kết quả từ các kết luận có tính thuyết phục cao. + Đánh giá được các yếu tố giới hạn của vấn đề nghiên cứu; + Đề xuất được giải pháp/các vấn đề nghiên cứu tiếp theo. + Đánh giá kết quả	

Tiêu chí đánh giá	Nội dung đánh giá	Kém	Trung bình	Khá	Giỏi	Điểm tối đa
					nghiên cứu có tính mới.	
4. Cập nhật kiến thức mới trong ngành Luật	Tổng quan, thực nghiệm và kết quả	+ Sử dụng tài liệu chuyên môn thuộc lĩnh vực nghiên cứu cũ; + Không cập nhật vấn đề phân tích mới, mang tính thời sự	+ Sử dụng rất ít tài liệu (< 5 tài liệu) chuyên môn thuộc lĩnh vực nghiên cứu có tính mới; + Không cập nhật vấn đề phân tích mới, mang tính thời sự	+ Sử dụng nhiều tài liệu chuyên môn thuộc lĩnh vực nghiên cứu có tính mới (5 - 10 tài liệu); + Cập nhật được phương pháp hoặc mô hình nghiên cứu mới thuộc vấn đề phân tích.	+ Sử dụng nhiều tài liệu chuyên môn thuộc lĩnh vực nghiên cứu có tính mới (10- 15 tài liệu) và có ít nhất một tài liệu hiện hành; + Cập nhật được các phương pháp phân tích mới, thiết kế mô hình cho vấn đề đang phân tích + Đánh giá kiến thức thu được từ nghiên cứu là mới hoàn toàn (chưa công bố)	1
5. Tuân thủ các giá trị đạo đức nghề nghiệp trong lĩnh vực Luật	Trung thực trong công việc nghiên cứu, tuân thủ bản quyền các sản phẩm trí tuệ.	Thấp hơn mức trung bình	+ Trung thực phần lớn các dữ liệu nhất quán với nhau và trung thực trong xử lý số liệu; + Trung thực với trích dẫn các tạp chí chuyên ngành, sách tham khảo, khóa luận; + Sử dụng đúng mục đích và tuân thủ các yêu cầu về bản quyền trong	+ Trung thực và nhất quán dữ liệu trong xử lý số liệu; + Trung thực với trích dẫn các tạp chí chuyên ngành, sách tham khảo, khóa luận; + Sử dụng đúng mục đích và tuân thủ các yêu cầu về bản quyền trong	+ Trung thực, khách quan trong xử lý số liệu; + Trung thực với trích dẫn các tạp chí chuyên ngành, sách tham khảo, khóa luận; + Sử dụng đúng mục đích và tuân thủ các yêu cầu về bản quyền trong	1

Tiêu chí đánh giá	Nội dung đánh giá	Kém	Trung bình	Khá	Giỏi	Điểm tối đa
			thủ các yêu cầu về bản quyền trong nghiên cứu; + Nộp bài đúng hạn.	nghiên cứu; + Nộp bài đúng hạn.	nghiên cứu; + Nộp bài đúng hạn.	

10. HỆ THỐNG TÍNH ĐIỂM

Kết quả học phần được tính theo thang điểm A⁺, A, B⁺, B, C⁺, C, D⁺, D, F và quy về thang điểm 4 theo Quyết định 493/QĐ-ĐHKTCN ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Bảng 3. Đánh giá học phần

Điểm từng phần (Hệ số 10)	Điểm quy đổi	
	Điểm chữ	Điểm hệ số 4
9,5 – 10	A ⁺	4,0
8,5 - 9,4	A	3,8
8,0 - 8,4	B ⁺	3,5
7,0 - 7,9	B	3,0
6,5 - 6,9	C ⁺	2,5
5,5 - 6,4	C	2,0
5,0 - 5,4	D ⁺	1,5
4,0 - 4,9	D	1,0
0,0 - 3,9	F	0,0

Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức sau và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i \times n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

Trong đó:

A: điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy

a_i: điểm của học phần thứ i

n_i: số tín chỉ của học phần thứ i

n: là tổng số học phần

Xếp loại tốt nghiệp được xác định theo điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học như sau:

Xếp loại tốt nghiệp	Thang điểm hệ 4
Xuất sắc	3,60 đến 4,00
Giỏi	3,20 đến 3,59

Khá	2,50 đến 3,19
Trung bình	2,00 đến 2,49

11. SƠ ĐỒ CÂY

Hướng dẫn về các ký hiệu sử dụng trên sơ đồ vận hành CTĐT:

- Chương trình giáo dục được xây dựng trọn vẹn để vận hành theo học chế tín chỉ. Bản sơ đồ CTĐT trong phần tiếp theo sắp xếp các môn học theo trình tự học kỳ của khóa đào tạo - tuy nhiên đây chỉ là trình tự học mà Khoa và Trường khuyến cáo sinh viên nên tuân theo để thuận lợi nhất cho việc tiếp thu kiến thức.

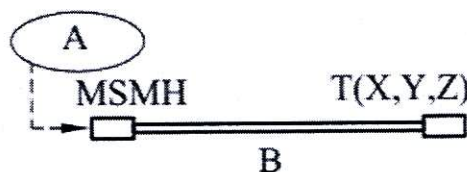
- Chương trình giáo dục được cập nhật liên tục trong suốt quá trình đào tạo sẽ được Khoa công bố và cập nhật chính thức trong các cuốn sổ tay sinh viên mỗi học kỳ.

Mỗi học phần được biểu diễn bằng một “dải băng” – dạng ký hiệu:

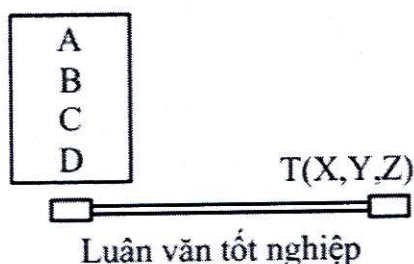


- Thông tin cơ bản của môn học được ghi phía trên dải với cấu trúc mã học phần và T(X,Y,Z) trong đó T là số tín chỉ, X là số giờ lý thuyết trong một tuần chuẩn (quy ước học kỳ có 15 tuần), Y là số giờ bài tập-thực hành-thảo luận trong 1 tuần, Z là số giờ mà một sinh viên trình độ trung bình phải đầu tư cho tự học-tự chuẩn bị bài trong 1 tuần (tính trung bình suốt học kỳ và bao gồm cả thời gian dành cho việc chuẩn bị kỳ kiểm tra, kỳ thi cuối khóa).

- Biểu diễn ràng buộc tiên quyết giữa các môn học (mũi tên liền nét) – môn A là môn tiên quyết của môn B:



- Các môn học thay thế khóa tốt nghiệp hoặc khóa luận tốt nghiệp (học phần tốt nghiệp nói chung) luôn có nhiều ràng buộc riêng và không thể biểu diễn đầy đủ trên các sơ đồ tiến trình này. Lưu đồ biểu diễn các học phần tự chọn A, B, C, D của nhóm tự chọn kiến thức cơ sở ngành trong hình chữ nhật.



- Căn cứ theo mã số của môn học sinh viên có thể tra cứu ngay trong phần cuối chương trình ngành Luật để tìm thấy nội dung giới thiệu tóm tắt về môn học.

Bảng 3. SƠ ĐỒ HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

HK1 (15 TC)	HK2 (17 TC)	HK3 (16 TC)	HK4 (17 TC)
CB040 3(3,0,6)  Triết học Mác - Lênin			
KL003 4(4,0,8)  Lý luận nhà nước và pháp luật			
KL004 2(2,0,4)  Lịch sử các học thuyết pháp lý			
KL005 2(2,0,4)  Luật Hiến pháp			
CB023 4(4,0,8)  Anh văn căn bản 1			

	CB040 CB041 2(2,0,4) Kinh tế chính trị Mác-Lênin KL009 3(3,0,6) Luật hành chính KL003 KL007 2(2,0,4) Luật dân sự 1 KL008 3(3,0,6) Luật hình sự 1 KL001 2(2,0,4) Logic học đại cương CB023 CB024 3(3,0,6) Anh văn căn bản 2 CB038 KL002 CB005 2(2,0,4) Tự chọn (Đại cương) (Xem phần R1)	CB041 CB042 2(2,0,4) Chủ nghĩa xã hội khoa học KL007 KL019 2(2,0,4) Luật dân sự 2 KL008 KL020 2(2,0,4) Luật hình sự 2 KL007 KL021 2(2,0,4) Luật hôn nhân và gia đình KL003 KL010 3(3,0,6) Luật lao động CB024 CB025 3(3,0,6) Anh văn căn bản 3 TT092 2(1,1,4) Tin học căn bản	CB042 CB043 2(2,0,4) Tư tưởng Hồ Chí Minh KL073 KL013 3(3,0,6) Luật thương mại KL032 3(3,0,6) Luật Thuế KL013 KL029 3(3,0,6) Pháp luật về chủ thể kinh doanh KL028 2(2,0,4) Luật đầu tư KL009 KL024 2(2,0,4) Luật tổ tụng hành chính CB049 CB039 CB012 2(2,0,4) Tự chọn (Đại cương) (Xem phần R2)
--	---	--	--

HK5 (16 TC)	HK6 (16 TC)	HK7 (16 TC)	HK8 (17 TC)
CB043 → CB044 2(2,0,4) Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam KL005 KL009 KL013 → KL014 2(2,0,4) Luật tài chính nhà nước KL019 → KL022 3(3,0,6) Luật tổ tụng dân sự KL03 2(2,0,4) Pháp luật về phòng chống tham nhũng KL007 KL009 → KL011 3(3,0,6) Luật đất đai KL003 → KL006 2(2,0,4) Luật so sánh KL007 KL009 → KL012 2(2,0,4) Luật môi trường	KL005 → KL026 2(2,0,4) Công pháp quốc tế KL013 → KL025 3(3,0,6) Luật thương mại quốc tế KL013 KL019 → KL034 3(3,0,6) Luật ngân hàng KL020 → KL023 3(3,0,6) Luật tổ tụng hình sự KL016 KL017 KL018 2(2,0,4) Tự chọn (Cơ sở) (Xem phần R3) KL048 KL045 KL046 KL047 4(4,0,8) Tự chọn (Chuyên ngành) (Xem phần R4)	KL003 KL019 → KL036 3(3,0,6) Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng KL013 KL022 KL026 → KL027 2(2,0,4) Tư pháp quốc tế KL019 → KL035 2(2,0,4) Pháp luật về giao dịch bảo đảm KL011 → KL030 2(2,0,4) Pháp luật về quy hoạch và giải phóng mặt bằng KL015 2(2,0,4) Phương pháp nghiên cứu khoa học luật KL038 KL039 KL040 2(2,0,4) Tự chọn (Chuyên ngành) (Xem phần R5) KL041 KL042 KL043 KL044 4(4,0,8) Tự chọn (Chuyên ngành) (Xem phần R6)	KL051 KL052 KL053 KL054 KL055 10(10,0,12) Thực tập tốt nghiệp. Khóa luận tốt nghiệp hoặc các học phần thay thế Khóa luận tốt nghiệp (Xem phần R7) KL031 2(2,0,4) Lý luận pháp luật về quyền con người KL009 KL013 KL019 KL020 → KL037 3(3,0,6) Kỹ năng tư vấn pháp luật

HỌC KỲ PHỤ (11 TC)	Phần R1 (02 TC)	Phần R2 (02 TC)	Phần R3 (02 TC)
CB050 2(2,0,4)  Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 CB051 2(2,0,4)  Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 CB052 2(1,1,4)  Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 CB053 2(0,2,4)  Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 CB035 1(0,1,2)  Giáo dục thể chất 1 CB036 1(0,1,2)  Giáo dục thể chất 2 CB037 1(0,1,2)  Giáo dục thể chất 3	CB038 2(2,0,4)  Tiếng việt thực hành KL002 2(2,0,4)  Tâm lý học đại cương CB005 2(2,0,4)  Văn bản và lưu trữ đại cương	CB049 2(2,0,4)  Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp CB039 2(2,0,4)  Cơ sở văn hóa Việt nam CB012 2(2,0,4)  Kỹ năng giao tiếp	CB038 KL016 2(2,0,4)  Kỹ năng soạn thảo văn bản CB025 KL017 2(2,0,4)  Anh văn chuyên ngành Luật KL002 KL018 2(2,0,4)  Tâm lý học tư pháp

Phần R4 (04 TC)	Phần R5 (02 TC)	Phần R6 (04 TC)	Phần R7 (12 TC)
KL048 2(2,0,4)  Thực hành nghề luật KL045 2(2,0,4)  Luật an ninh mạng KL046 2(2,0,4)  Pháp luật về trọng tài thương mại KL047 2(2,0,4)  Luật Đấu Thầu	KL013  KL038 2(2,0,4) Luật chứng khoán KL011 KL013  KL039 2(2,0,4) Pháp luật về kinh doanh bất động sản KL013  KL040 2(2,0,4) Luật thương mại điện tử	KL041 2(2,0,4)  Pháp luật công chứng - luật sư - thừa phát lại - đầu giả KL042 2(2,0,4)  Đạo đức nghề luật KL020  KL043 2(2,0,4) Luật hình sự quốc tế KL013  KL044 2(2,0,4) Pháp luật về kinh doanh bảo hiểm	KL049 12(0,12,24)  Thực tập tốt nghiệp KL050 10(10,0,12)  Khóa luận tốt nghiệp KL013  KL051 2(2,0,4) Pháp luật về an sinh xã hội KL009  KL052 2(2,0,4) Pháp luật về hộ tịch KL013  KL053 2(2,0,4) Pháp luật về kinh doanh dịch vụ Logistics KL019  KL054 2(2,0,4) Pháp luật về sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ KL055 2(2,0,4)  Nghiệp vụ tòa án

12. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

Nội dung chương trình đào tạo cử nhân Luật của Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ được trình bày ở Bảng 4.

Bảng 4. Nội dung chương trình đào tạo ngành Luật

TT	Mã học phần	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của học phần	Khối lượng kiến thức
Kiến thức giáo dục đại cương				
1	CB050	GDQP & AN1: Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam*	Học phần giúp cho sinh viên có những kiến thức cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; nhận thức đúng về nguồn gốc, bản chất chiến tranh; các quan điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, lực lượng vũ trang nhân dân để tiến hành chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.	2TC (22 LT 08 TH)
2	CB051	GDQP& AN2: Công tác quốc phòng và an ninh*	Học phần giúp cho sinh viên nhận thức được âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam trong giai đoạn hiện nay, trên cơ sở đó đấu tranh, phòng chống chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch; đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam để giữ gìn an ninh chính trị và bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Ngoài ra, học phần còn giúp sinh viên có kiến thức về chiến tranh công nghệ cao; kiến thức về xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên, phong trào toàn dân đấu tranh phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội, bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội; bảo vệ vững chắc chủ quyền lãnh thổ biên giới, biển đảo Việt Nam.	2TC (22 LT 08 TH)

3	CB052	GDQP & AN3: Quân sự chung*	Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức chung về quân sự phổ thông, những kỹ năng quân sự cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng, củng cố lực lượng vũ trang nhân dân, sẵn sàng tham gia lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc; giúp SV hiểu biết và sử dụng được một số loại phương tiện, vũ khí thông thường; có kiến thức về chiến thuật bộ binh; biết cách phòng, tránh vũ khí hủy diệt lớn và thành thạo kỹ thuật băng bó, chuyển thương.	2TC (14 LT 16 TH)
4	CB053	GDQP & AN4: Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật*	Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về kỹ năng quân sự, an ninh cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng, củng cố lực lượng vũ trang nhân dân, sẵn sàng tham gia lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và làm nghĩa vụ quân sự với quốc gia.	2TC (04 LT 56TH)
5	CB035	GDTC 1: Cờ vua 1*	Chương trình học tập này giúp cho người học một số kiến thức cơ bản về lý luận và thực hành môn Cờ Vua, luật chơi môn Cờ Vua, đồng thời thông qua môn học Cờ Vua rèn luyện cho trí óc con người thêm phát triển, thêm linh hoạt và dẻo dai.	1TC (15LT + 30TH)
6	CB035	GDTC 1: Taekwondo 1*	Người học nắm được lịch sử phát triển môn Taekwondo, ý nghĩa tác dụng môn Taekwondo và thực hiện được các kỹ thuật tấn (Seogi), các kỹ thuật đỡ (Makki), kỹ thuật đâm (Jireugi), kỹ thuật đá (Chagi) và 3 bài quyền 1,2,3, thông qua đó để rèn luyện thân thể, rèn luyện thể lực toàn diện theo chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo (QĐ 53/BGDĐT -2008).	1TC (15LT + 30TH)
7	CB035	GDTC 1: Bóng chuyền 1 *	Nội dung học phần gồm các kỹ thuật cơ bản môn bóng chuyền như: Luật bóng chuyền, các tư thế đánh bóng, các kỹ thuật di chuyển tiến - lùi, trượt ngang sang phải - trái, kỹ thuật chuyền bóng cao tay cơ bản trước mặt, kỹ thuật đệm bóng căn bản.	1TC (15LT + 30TH)

8	CB036	GDTC 2: Cờ vua 2*	Giúp người học nâng cao các kỹ năng trong môn Cờ Vua và luật chơi Cờ Vua như: Các bài tập giải Cờ thế chiếu hết sau 1 nước và chiếu hết sau hai nước, đồng thời thông qua môn học Cờ Vua rèn luyện cho trí óc con người thêm phát triển, thêm linh hoạt và dẻo dai hơn.	1TC (15LT + 30TH)
9	CB036	GDTC 2: Taekwondo 2*	Sinh viên sẽ được lĩnh hội những kỹ thuật cơ bản của môn võ Taekwondo vận dụng tập luyện nâng cao các tố chất thể lực, tăng cường sức khỏe, thông qua rèn luyện sinh viên sẽ được hình thành nên những phẩm chất tốt đẹp, lòng dũng cảm, sự nhân ái và cao thượng trong cuộc sống đời thường.	1TC (15LT + 30TH)
10	CB036	GDTC 2: Bóng chuyền 2 *	Nội dung học phần gồm các kỹ thuật cơ bản môn bóng chuyền như: Tiếp tục nghiên cứu về Luật bóng chuyền, ôn các tư thế đánh bóng, các kỹ thuật di chuyển tiến - lùi, trượt ngang sang phải - trái, kỹ thuật chuyền bóng cao tay cơ bản trước mặt, kỹ thuật đệm bóng, kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt căn bản, một số kỹ thuật phát bóng, chuyền bóng, di chuyển nâng cao.	1TC (15LT + 30TH)
11	CB037	GDTC 3: Cờ vua 3*	Chương trình học tập này nhằm giới thiệu và trang bị cho người học một số kiến thức cơ bản về lý luận và thực hành để khi ra trường sinh viên làm công tác phong trào, tổ chức huấn luyện, giảng dạy cho người mới tập chơi cờ.	1TC (15LT + 30TH)
12	CB037	GDTC 3: Taekwondo 3*	Sinh viên sẽ được lĩnh hội những kỹ thuật cơ bản của môn võ Taekwondo vận dụng tập luyện nâng cao các tố chất thể lực, tăng cường sức khỏe, thông qua rèn luyện sinh viên sẽ được hình thành nên những phẩm chất tốt đẹp, lòng dũng cảm, sự nhân ái và cao thượng trong cuộc sống đời thường	1TC (15LT + 30TH)
13	CB037	GDTC 3: Bóng chuyền 3 *	Nội dung học phần gồm các kỹ thuật cơ bản môn bóng chuyền khác như bóng chuyền bãi biển và bóng chuyền hơi: Ôn các tư thế đánh bóng, các kỹ thuật di chuyển tiến - lùi, trượt	1TC (15LT + 30TH)

11/21/2023 11:21

			ngang sang phải - trái, kỹ thuật chuyên bóng cao tay cơ bản trước mặt nâng cao. Tiếp tục luyện tập kỹ thuật đệm bóng, kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt, kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt, kỹ thuật đập bóng nâng cao, kỹ thuật phối hợp đồng đội trong thi đấu bóng chuyền bãi biển và bóng chuyền hơi.	
14	CB040	Triết học Mác - Lênin	Học phần Triết học Mác - Lênin bao gồm 3 chương, trình bày những tri thức cơ bản về triết học, triết học Mác - Lênin, vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội và trong sự nghiệp đổi mới; những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng; những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử.	3TC (45 LT)
15	CB041	Kinh tế Chính trị Mác- Lênin	Học phần gồm có 6 chương bàn về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác- Lênin và các vấn đề như: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường, cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế của Việt Nam.	2 TC (30 LT)
16	CB042	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Học phần giúp cho sinh viên nắm vững những lý luận về chủ nghĩa xã hội khoa học và thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta trong thời kỳ quá độ hiện nay. Học phần còn hình thành và rèn luyện khả năng phân tích, đánh giá những vấn đề thực tiễn trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội.	2TC (30LT)

3 TC
 (45 LT)

17	CB043	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh gồm 6 chương cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh; về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; về Đảng cộng sản Việt Nam; về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; về văn hóa, đạo đức, con người.	2TC (30LT)
18	CB044	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Học phần cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam; Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng; Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975); Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới từ năm 1975 đến nay. Giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng, vận dụng kiến thức đã học trong quá trình học tập và công tác.	2TC (30LT)
19	CB005	Văn bản và lưu trữ đại cương	Học phần giúp cho sinh viên có kiến thức lý luận và thực tiễn về văn bản và văn bản hành chính; trình bày thể thức văn bản và phương pháp soạn thảo văn bản; khái niệm lưu trữ, ý nghĩa và tác dụng của tài liệu lưu trữ; có kỹ năng soạn thảo văn bản và kỹ năng quản lý khoa học các loại văn bản hành chính, giúp sinh viên biết cách lựa chọn, phân loại văn bản để lưu trữ; Biết cách tra tìm, sử dụng tài liệu lưu trữ để có thể làm tốt công tác quản lý ở cơ quan sau này.	2TC (30LT)
20	CB049	Đổi mới Sáng tạo và Khởi ngiệp	Học phần trang bị cho SV những kiến thức tổng quan về sáng tạo, đổi mới và hình thành ý tưởng khởi nghiệp, lựa chọn loại hình sở hữu doanh nghiệp, hiểu biết cơ bản về quyền sở hữu trí tuệ. Ngoài ra, sinh viên còn được cung cấp kiến thức và kỹ năng cơ bản về thị trường như đánh giá thể mạnh, cơ hội, đe dọa, rủi ro, thương mại hóa sản	2TC (30LT)

			phẩm từ ý tưởng kinh doanh, phát hiện tiềm năng kinh doanh và lập kế hoạch khởi nghiệp. Sinh viên còn có cơ hội được chia sẻ kinh nghiệm khởi nghiệp từ các doanh nhân thành đạt hoặc được tham quan mô hình khởi nghiệp thành công.	
21	TT092	Tin học căn bản	Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức căn bản về Tin học và kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin. Các kiến thức giảng dạy trong học phần bao gồm: Khái niệm về thông tin, máy tính, hệ điều hành Windows, và kỹ năng soạn thảo văn bản, xử lý bảng tính, sử dụng trình chiếu và Internet. Học phần cũng cung cấp cho sinh viên kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin được quy định ở Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT và Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Thông tin và Truyền thông.	2TC (15LT + 30TH)
22	KI001	Logic học đại cương	Trang bị kiến thức cơ bản cho sinh viên nắm được các khái niệm cơ bản của logic học như: tư duy, khái niệm, phán đoán, suy luận, định nghĩa, quy luật tư duy. Phân tích được các hình thức và phương pháp suy luận trong tư duy logic. Giải thích được vai trò của logic học trong tư duy khoa học, tư duy phản biện. Tôn trọng tính hợp lý và khách quan trong tư duy và giao tiếp.	2TC (15LT + 30TH)
23	CB039	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Trang bị kiến thức cơ bản cho sinh viên các khái niệm cơ bản và lý thuyết nền tảng về văn hóa. Phân tích được những đặc trưng, giá trị truyền thống, bản sắc của văn hóa Việt Nam. Hiểu được quá trình hình thành, vận động (giao lưu) và phát triển của văn hóa Việt Nam trong lịch sử và hiện đại. Hình thành ý thức bảo tồn, gìn giữ và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống trong thời kỳ hội nhập và phát triển.	2TC (15LT + 30TH)
24	CB012	Kỹ năng giao tiếp	Trang bị kiến thức cơ bản cho sinh viên nắm được các khái niệm, nguyên tắc,	

II
 4W
 /
 JG
 OC
 IAT
 GI
 HC
 /
 II

			quy trình và yếu tố ảnh hưởng đến giao tiếp. Hiểu và phân biệt được sự khác biệt trong giao tiếp giữa các cá nhân, nhóm, môi trường văn hóa và bối cảnh giao tiếp khác nhau. Phát huy khả năng tự học tập, tự nghiên cứu của sinh viên, thái độ cởi mở, tôn trọng chủ động, trung thực và có trách nhiệm trong các mối quan hệ giao tiếp cá nhân và tập thể.	2TC (15LT + 30TH)
25	CB038	Tiếng việt thực hành	Trang bị kiến thức cơ bản, nắm vững kiến thức nền tảng về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp tiếng Việt trong học tập và giao tiếp. Giúp người học nhận diện được đặc điểm chuẩn mực và biến thể của tiếng Việt trong quá trình sử dụng. Phụng khả năng tự học tập, tự nghiên cứu của sinh viên, thái độ nghiêm túc, tôn trọng chuẩn mực tiếng Việt trong học thuật và đời sống. Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt, xem ngôn ngữ là công cụ tư duy và phương tiện thể hiện bản sắc văn hoá dân tộc.	2TC (15LT + 30TH)
26	KL002	Tâm lý học đại cương	Trang bị kiến thức cơ bản để sinh viên hiểu được đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu của tâm lý học. Nắm rõ các hiện tượng, quy luật và quá trình tâm lý cơ bản của con người. Nhận diện được các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi, nhân cách và mối quan hệ xã hội. Hình thành ý thức, thái độ nghiêm túc, tích cực trong việc học tập, tôn trọng sự đa dạng tâm lý con người; Biết lắng nghe, thấu hiểu người khác, góp phần xây dựng môi trường giao tiếp nhân văn	2TC (15LT + 30TH)

4/4
HỆ
JHL

27	CB023	Anh văn căn bản 1	Thông qua chương trình, sinh viên có dịp tiếp cận những tình huống nghe, hiểu và nói đa dạng với chủ đề lý thú nhằm phát triển khả năng giao tiếp của sinh viên, giúp sinh viên có thể sử dụng ngoại ngữ hiệu quả hơn trong các tình huống giao tiếp hằng ngày. Ngoài ra, sinh viên còn có thể củng cố khả năng đọc hiểu và viết qua các bài học phù hợp với trình độ sinh viên, cũng như qua các bài tập viết đơn giản giúp sinh viên diễn đạt ý tưởng của mình dễ dàng hơn	4TC (60LT)
28	CB024	Anh văn căn bản 2	Môn học giúp cho sinh viên có thể biết được một số từ vựng và cụm từ cơ bản để miêu tả và giao tiếp bằng tiếng Anh về các chủ đề như tiền và lịch sử về tiền, du lịch và du hành vào vũ trụ, miêu tả về ngoại hình, cách ăn mặc và lễ hội, phim và nghệ thuật. Nắm vững một số kiến thức về văn hóa xã hội ở một số nước trên thế giới thông qua các bài đọc, bài nghe về các chủ đề thời trang, vũ trụ, hình xăm, lễ hội và nghệ thuật. nắm vững một số cấu trúc ngữ pháp thông dụng như thì quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, thì tương lai gần và cách nói về kế hoạch trong tương lai gần, cách dùng “have got” và “has got”, phó từ chỉ mục tiêu (infinitive of purpose), so sánh tính từ gồm so sánh hơn và so sánh nhất.	3TC (45LT)
29	CB025	Anh văn căn bản 3	Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức về ngữ pháp tiếng Anh cơ bản như: các thì (hiện tại hoàn thành, tương lai gần, tương lai đơn), các động từ khiếm khuyết, và cách sử dụng mạo từ. Bên cạnh đó, sinh viên còn được củng cố và được cung cấp thêm một lượng từ vựng thông dụng về các chủ đề khoa học công nghệ, du lịch và môi trường tự nhiên. Đồng thời, học phần Anh văn căn bản 3 giúp sinh viên phát triển các kỹ năng Nghe hiểu, Đọc hiểu, Viết, và khả năng giao tiếp trong một số tình huống giao tiếp căn bản bằng tiếng Anh.	3TC (45LT)



30	KL003	Lý Luận Nhà nước và pháp luật	Cung cấp cho người học những vấn đề lý luận cơ bản nhất về nhà nước và pháp luật, cụ thể như: nguồn gốc, bản chất, hình thức, các kiểu nhà nước và pháp luật trong lịch sử; các vấn đề lý luận cơ bản về nhà nước như: chức năng của nhà nước, hình thức của các nhà nước, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của các bộ máy nhà nước...; những vấn đề lý luận cơ bản về pháp luật như: quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật, trách nhiệm pháp lý, ý thức pháp luật, giáo dục pháp luật, pháp chế xã hội chủ nghĩa, hệ thống pháp luật.	4TC (60LT)
31	KL004	Lịch sử các học thuyết pháp lý	Học phần Lịch sử các học thuyết pháp lý cung cấp cho sinh viên vấn đề cơ bản liên quan đến học thuyết pháp lý, chẳng hạn như: khái niệm học thuyết pháp lý, vai trò của học thuyết pháp lý trong nghiên cứu luật học, lịch sử các học thuyết cơ bản qua các thời kỳ và sự ảnh hưởng của học thuyết pháp lý đến pháp luật qua các thời kỳ. Bên cạnh đó, học phần còn trang bị cho sinh viên kiến thức về các học thuyết pháp lý chính yếu, nguồn gốc hình thành, quá trình phát triển và thay thế của các học thuyết này; tập trung phân tích nội dung và tư tưởng tiên bộ của các học thuyết.	2TC (30LT)
32	KL005	Luật Hiến Pháp	Học phần Luật Hiến pháp Việt Nam cung cấp những kiến thức về khoa học luật Hiến pháp, ngành luật Hiến pháp, chế định về chế độ chính trị, kinh tế, văn hoá, giáo dục, khoa học công nghệ, an ninh quốc phòng, chính sách đối ngoại, quan hệ cơ bản giữa nhà nước và công dân, những vấn đề cơ bản trong tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong lịch sử lập hiến Việt Nam và pháp luật hiện hành, tạo nền tảng kiến thức chung cho sinh viên trong nghiên cứu các môn khoa học pháp lý tiếp theo.	2TC (30LT)
33	KL006	Luật So sánh	Giúp sinh viên nhận biết được các hiện	2TC

			tượng pháp luật, xử lý các thông tin, phân tích, lập luận, đánh giá, giải quyết các vấn đề, xây dựng cơ sở phương pháp luận để nghiên cứu những quy luật xâm nhập pháp luật nước ngoài vào pháp luật quốc gia và tiếp thu giá trị pháp lý, những quy tắc pháp luật giữa các hệ thống pháp luật thế giới. Trên cơ sở này, sinh viên có thể đưa ra các dự báo pháp luật, định hướng và hoàn thiện hơn trong lập pháp; áp dụng xây dựng pháp luật quốc gia trong từng trường hợp, từng giai đoạn phát triển của xã hội; hoàn thiện pháp luật quốc gia trong các lĩnh vực pháp luật; nâng cao nhận thức xã hội trong việc tuân thủ pháp luật (trong quan hệ trong nước và trong quan hệ quốc tế)..	(30LT)
34	KL007	Luật Dân sự 1	Cung cấp kiến thức lý luận chung về ngành luật dân sự như khái niệm, đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh, phân loại và các quy định pháp luật về nguyên tắc cơ bản của luật dân sự, nguồn của luật dân sự, các loại chủ thể của quan hệ pháp luật dân sự, quyền nhân thân, đại diện, giám hộ, thời hạn và thời hiệu để giải quyết các vấn đề pháp lý và tình huống pháp lý liên quan về năng lực chủ thể, xác định tình trạng vắng mặt, mất tích, tuyên bố chết của cá nhân; đại diện theo pháp luật và đại diện theo ủy quyền, giám hộ; bảo vệ quyền dân sự và quyền nhân thân của chủ thể quan hệ pháp luật dân sự; xác định thời hạn, thời hiệu.	2TC (30LT)
35	KL008	Luật Hình sự 1	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng liên quan đến lĩnh vực hình sự. Thông qua môn học, người học được cung cấp những kiến thức lý luận và thực tiễn về ngành luật hình sự, tổng quan kiến thức những vấn đề lý luận về tội phạm và hình phạt thông qua việc giới thiệu và phân tích quy định phân chung của Bộ Luật hình sự.	3TC (45LT)

11/1/2024 0/5/11

36	KL009	Luật Hành chính	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức lý luận cơ bản về quản lý hành chính nhà nước và luật hành chính như: chủ thể, khách thể quản lý hành chính nhà nước; nguyên tắc quản lý hành chính nhà nước; hình thức và phương pháp quản lý hành chính nhà nước; quyết định hành chính; đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh của luật hành chính; quy phạm pháp luật hành chính và quan hệ pháp luật hành chính; các biện pháp bảo đảm pháp chế và kỷ luật nhà nước; tài phán hành chính.	3TC (45LT)
37	KL010	Luật Lao động	Học phần Luật lao động trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về pháp luật lao động trong nền kinh tế thị trường hiện nay, giúp cho sinh viên có kiến thức toàn diện trong chuyên ngành được đào tạo để khi tốt nghiệp có thể phối hợp kiến thức của môn Luật lao động với các môn học khác. Sự hiểu biết những quy định pháp luật về lao động giúp cho sinh viên có cách nhận thức phù hợp, nhằm đưa quan hệ lao động vào nề nếp, trật tự trong khuôn khổ pháp luật, đồng thời còn có thể giúp cho sinh viên sử dụng pháp luật để bảo vệ hữu hiệu quyền lợi của mình.	3TC (45LT)
38	KL11	Luật Đất đai	Học phần cung cấp kiến thức, kỹ năng liên quan đến công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai và chế độ sử dụng đất theo pháp luật đất đai Việt Nam hiện hành. Kiến thức nền cần được truyền đạt trước khi nghiên cứu về hai nội dung chính là lý luận chung về pháp luật đất đai (cụ thể như tầm quan trọng của đất đai, vấn đề sở hữu đất đai, quan hệ pháp luật đất đai và lịch sử phát triển pháp luật đất đai qua các thời kỳ). Trong nội dung quản lý nhà nước về đất đai, làm rõ tổ chức hệ thống cơ quan quản lý đất đai và vai trò của từng cơ quan; truyền đạt và phân tích quy định về hoạt động quy hoạch sử dụng đất, phân phối đất đai, ... Trong nội dung chế độ sử dụng đất làm rõ quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất, đặc biệt là các giao dịch về quyền sử dụng đất và nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; cuối cùng là pháp luật về giải quyết tranh chấp và khiếu nại, khiếu kiện	3TC (45LT)

II
TH
JC
IT
TG
AN
I
II

			trong lĩnh vực đất đai.	
39	KL012	Luật Môi trường	Luật môi trường là học phần thuộc chương trình đào tạo ngành Luật, nghiên cứu các vấn đề cơ bản về bảo vệ môi trường bằng pháp luật. Nội dung bao gồm như: một số vấn đề mang tính lý luận chung về môi trường, bảo vệ môi trường và luật môi trường. Tiếp đó, học phần nghiên cứu các nội dung về đánh giá môi trường, kiểm soát ô nhiễm môi trường và bảo tồn đa dạng sinh học như: kiểm soát ô nhiễm không khí, kiểm soát ô nhiễm đất, ô nhiễm nước, bảo vệ rừng, bảo vệ đa dạng sinh học... Ngoài ra, học phần còn đề cập các khía cạnh của việc thực thi các công ước quốc tế trong lĩnh vực bảo vệ môi trường ở Việt Nam cũng như cơ chế giải quyết các tranh chấp nảy sinh trong lĩnh vực này.	2TC (30LT)
40	KL013	Luật Thương mại	Học phần Luật Thương mại trang bị cho sinh viên những kiến thức về các hoạt động thương mại như: hoạt động mua bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ, khuyến mại, quảng cáo, đấu giá, đấu thầu, logistic, nhượng quyền thương mại, ... Đồng thời cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về hợp đồng thương mại cũng như các biện pháp chế tài trong hoạt động thương mại để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của các bên giao kết hợp đồng. Đây là những kiến thức nền tảng quan trọng để sinh viên có thể vận dụng tư vấn cho các chủ thể kinh doanh khi thực hiện các hoạt động thương mại hoặc khi xảy ra tranh chấp hợp đồng.	3TC (45LT)
41	KL014	Luật Tài chính nhà nước	Học phần Luật Tài chính nhà nước là học phần bắt buộc thuộc chương trình đào tạo, cung cấp cho người học những kiến thức về lý luận, những quy định pháp luật và thực tiễn áp dụng những quy định về luật tài chính tại Việt Nam. Trong quá trình nghiên cứu, người học sẽ được tìm hiểu về mục đích ban hành và những quy định cụ thể của các loại ngân sách. Bên cạnh đó học phần còn rèn luyện cho người học phát triển những kỹ năng chuyên môn và kỹ năng mềm cần thiết cho quá trình học tập và tìm	02 TC (30 tiết LT, 0 TH)

			kiểm việc làm.	
42	KL015	Phương pháp nghiên cứu khoa học Luật	Học phần Giúp người học xác định được vai trò và hạn chế của luật viết cũng như sự cần thiết của hoạt động nghiên cứu và phân tích luật viết; Phân tích được các quy định pháp luật bằng phương pháp phân tích luật viết; Phân biệt được các loại công trình khoa học khác nhau. Nắm vững các kiến thức cơ bản để thực hiện một công trình nghiên cứu khoa học.	02 TC (30 LT, 0 TH)
Kiến thức bắt buộc				
43	KL019	Luật Dân sự 2	Cung cấp những kiến thức về: nghĩa vụ dân sự, các biện pháp bảo đảm nghĩa vụ, hợp đồng dân sự và bồi thường thiệt hại. Từ đó người học có thể vận dụng để nhận diện và giải quyết những tình huống thực tế. Về mặt kỹ năng, môn học giúp người học phát triển những kỹ năng như: kỹ năng thuyết trình, làm việc nhóm, tự học, kỹ năng lập luận và bảo vệ quan điểm và nhiều kỹ năng chuyên môn khác. Thông qua 11 chương trong học phần Luật dân sự 2 giúp người học có thái độ tích cực, tinh thần tuân thủ pháp luật và tôn trọng quyền hợp pháp của các chủ thể khác. Đồng thời tự định hướng, rèn luyện thái độ, kỹ năng và kiến thức cho nghề nghiệp trong tương lai.	2TC (30LT)
44	KL020	Luật Hình sự 2	Người học sẽ được trang bị kiến thức về các nhóm tội phạm cụ thể như các tội xâm phạm an ninh quốc gia, các tội xâm phạm tính mạng sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của con người, các tội xâm phạm quyền tự do dân chủ công dân, các tội xâm phạm sở hữu, các tội xâm phạm chế độ hôn nhân và gia đình, các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, các tội phạm về môi trường, các tội phạm về ma túy, các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng, trật tự công cộng, các tội xâm phạm trật tự quản lý hành chính, các tội phạm về chức vụ, các tội xâm phạm hoạt động tư pháp, các tội xâm phạm nghĩa vụ, trách nhiệm quân nhân, các tội phá hoại hòa bình, chống loài người và tội phạm	2TC (30LT)

II / G.AT.GH.HC / II

			chiến tranh. Qua đó, rèn luyện được kỹ năng phân tích vụ án hình sự trên thực tế và có tinh thần tuân thủ quy định pháp luật hình sự.	
45	KL021	Luật Hôn Nhân và Gia đình	Học phần cung cấp kiến thức lý luận và thực tiễn về hôn nhân và gia đình. Giúp sinh viên có thể nhận dạng các sự việc và tham gia giải quyết các vấn đề liên quan đến lĩnh vực hôn nhân và gia đình.	2TC (30LT)
46	KL022	Luật Tố tụng Dân sự	Môn học cung cấp cho người học những kiến thức tổng quát về Luật Tố tụng dân sự theo chuyên đề như: Nhận thức chung nhất về vụ việc dân sự, luật tố tụng dân sự, các nguyên tắc cơ bản của Luật Tố tụng dân sự; chủ thể của quan hệ pháp luật tố tụng dân sự; thẩm quyền của Tòa án trong việc giải quyết các vụ việc dân sự; chứng cứ và chứng minh trong tố tụng dân sự; án phí, lệ phí trong tố tụng dân sự; trình tự, thủ tục giải quyết vụ việc dân sự; tương trợ tư pháp trong tố tụng dân sự; thi hành án dân sự.	3TC (45LT)
47	KL023	Luật Tố tụng hình sự	Trang bị chớ ỉnh viên kiến thức cơ bản về lý luận, pháp lý và thực tiễn của quá trình giải quyết vụ án hình sự theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam. Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng làm việc nhóm, viết bài luận, tranh luận và thuyết trình trước lớp. Hướng dẫn sinh viên phương pháp tiếp cận hồ sơ vụ án hình sự, áp dụng kiến thức đã học để phát hiện những sai sót về thủ tục và đưa ra cách thức giải quyết trong từng trường hợp cụ thể.	
48	KL024	Luật Tố tụng Hành chính	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức lý luận và thực tiễn về các quy định pháp luật liên quan đến tố tụng hành chính, bao gồm: thẩm quyền xét xử hành chính của Tòa án nhân dân; cơ quan tiến hành tố tụng hành chính, người tiến hành tố tụng hành chính, người tham gia tố tụng hành chính; chứng minh, chứng cứ và các biện pháp khẩn cấp tạm thời; khởi kiện, thụ lý vụ án, chuẩn bị xét xử, xét xử sơ thẩm;	2TC (30LT)

			thủ tục phúc thẩm, giám đốc thẩm và tái thẩm vụ án hành chính.	
49	KL025	Luật Thương mại Quốc tế	Kiến thức lý luận chung về luật thương mại quốc tế công thông qua luật của tổ chức WTO; nắm được các nguyên tắc cơ bản của Luật WTO.	2TC (30LT)
50	KL026	Công pháp quốc tế	Công pháp quốc tế là môn khoa học pháp lý chuyên ngành, cung cấp những kiến thức lý luận cơ bản về hệ thống pháp luật quốc tế cung cấp cho người học cái nhìn tổng quan về hệ thống luật pháp quốc tế cũng như sự hình thành và phát triển của nó, các chủ thể tham gia quan hệ pháp luật quốc tế, những quan hệ quốc tế mà ngành luật này điều chỉnh; các nguyên tắc cơ bản của luật quốc tế; các loại nguồn của luật quốc tế; những vấn đề cơ bản của quốc gia – chủ thể quan trọng nhất của luật quốc tế và các vấn đề dân cư, lãnh thổ, tranh chấp quốc tế và giải quyết tranh chấp quốc tế.	2TC (30LT)
51	KL027	Tư pháp quốc tế	Học phần trang bị cho người học những kiến thức về khái niệm, bản chất đặc thù, nội dung của các quan hệ tư pháp quốc tế; các loại nguồn, cách thức áp dụng mỗi loại nguồn tư pháp quốc tế; các khái niệm, đặc trưng cơ bản của xung đột pháp luật, cách thức giải quyết xung đột pháp luật; các quan hệ cụ thể của tư pháp quốc tế (sở hữu, thừa kế, hợp đồng, hôn nhân gia đình, ... có yếu tố nước ngoài).	2TC (30LT)

52	KL028	Luật Đầu tư	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về pháp luật đầu tư trong nền kinh tế thị trường, môn học giúp cho sinh viên có kiến thức toàn diện trong ngành được đào tạo để khi tốt nghiệp có thể phối hợp kiến thức của môn Luật Đầu tư với các môn học khác. Sự hiểu biết chính sách của Nhà nước và quy định của pháp luật về hoạt động đầu tư của các thành phần kinh tế sẽ giúp cho sinh viên có những quyết định đúng đắn và hợp pháp trong hoạt động đầu tư, đồng thời còn có thể giúp cho sinh viên sử dụng pháp luật để bảo vệ hữu hiệu những lợi ích chính đáng của mình trong khuôn khổ pháp luật.	2TC (30LT)
53	KL029	Pháp luật Chủ thể kinh doanh	Giúp người học nắm được những vấn đề pháp lý cơ bản về doanh nghiệp như quy định về thành lập, tổ chức, quản lý, giải thể doanh nghiệp, quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp. Hiểu và phân biệt được các loại hình doanh nghiệp, ưu điểm, hạn chế của từng loại hình doanh nghiệp.	3TC (45LT)
54	KL030	Pháp luật về quy hoạch giải phóng mặt bằng	Pháp luật về quy hoạch và giải phóng mặt bằng là học phần chính và bắt buộc trong chương trình đào tạo cử nhân ngành Luật, cung cấp cho người học những kiến thức pháp luật về quy hoạch và thu hồi đất như: khái niệm và đặc điểm của quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, thực trạng quy định của pháp luật về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Bên cạnh đó môn học còn cung cấp những kiến thức về vấn đề bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trong quy định của pháp luật như: lịch sử hình thành, các trường hợp thu hồi đất, nguyên tắc thực hiện thu hồi đất, mục đích thu hồi đất. Trình tự thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, các loại bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất và một số nội dung khác có liên quan đến quy định pháp luật trong quá trình thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.	2TC (30LT)

55	KL031	Lý luận và pháp luật về quyền con người	Học phần Lý luận và pháp luật về quyền con người cung cấp cho sinh viên những kiến thức về các vấn đề lý luận và pháp lý về quyền con người, hệ thống các chuẩn mực quốc tế và quy định pháp luật Việt Nam về quyền con người; các cơ chế về bảo vệ và thúc đẩy quyền con người; quan điểm và chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam về quyền con người. Ngoài ra, nhằm góp phần thực tế hóa các chính sách, quan điểm và pháp luật của Đảng, Nhà nước Việt Nam và các tiêu chuẩn quốc tế về quyền con người trước bối cảnh quyền con người ngày càng chi phối mạnh mẽ các vấn đề chính trị, xã hội, kinh tế của toàn nhân loại và mỗi quốc gia, học phần này giúp sinh viên có cách tiếp cận, kiến thức, nhận thức và có khả năng xử lý đúng đắn các vấn đề liên quan đến quyền con người trong cuộc sống hàng ngày cũng như trong hoạt động nghề nghiệp thực tế.	2TC (30LT)
56	KL032	Luật Thuế	Cung cấp cho người học những kiến thức về lý luận, những quy định pháp luật và thực tiễn áp dụng những quy định về luật thuế tại Việt Nam. Trong quá trình nghiên cứu, người học sẽ được tìm hiểu về mục đích ban hành và những quy định cụ thể của các loại thuế như: đối tượng chịu thuế, phương pháp tính thuế, kê khai, nộp thuế và các trường hợp được miễn, giảm thuế và các vấn đề trọng tâm khác. Bên cạnh đó học phần còn rèn luyện cho người học phát triển những kỹ năng chuyên môn và kỹ năng mềm cần thiết cho quá trình học tập và tìm kiếm việc làm.	02 TC (30 LT, 0 TH)
57	KL033	Luật Phòng chống tham nhũng	Hệ thống kiến thức cơ bản pháp luật về phòng, chống tham nhũng, cho sinh viên hiểu, phân tích được phòng, chống tham nhũng là việc các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong phạm vi quyền hạn, trách nhiệm của mình thực hiện các biện pháp nhằm phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, xử lý đối với hành vi tham nhũng theo quy định của pháp luật, bảo vệ lợi ích hợp pháp của Nhà nước, cơ quan, tổ chức và công dân, góp phần quan trọng vào việc giữ vững an ninh chính trị - xã hội, bảo vệ chế độ và bảo đảm cho	2TC (30TL)

			kinh tế - xã hội đất nước phát triển bền vững	
58	KL034	Luật Ngân hàng	Mục tiêu xuyên suốt của học phần này là cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về pháp luật trong hoạt động ngân hàng ở Việt Nam. Trong đó, học phần này sẽ đề cập đến những nội dung mang tính khái quát nhất về Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) và hệ thống tổ chức tín dụng (TCTD), cũng như các hoạt động nghiệp vụ cơ bản diễn ra trong hệ thống ngân hàng.	3TC (54LT)
59	KL035	Pháp luật về giao dịch bảo đảm	Giúp sinh viên hiểu kiến thức cơ bản về giao dịch bảo đảm nói chung, các biện pháp bảo đảm, biết vận dụng kiến thức về giao dịch bảo đảm để nhận diện bản chất của các loại hợp đồng bảo đảm trên thực tế, biết vận dụng kiến thức để soạn thảo các hợp đồng bảo đảm, đăng ký biện pháp bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật. Sinh viên tích lũy được kiến thức để tiếp tục tham dự các học phần chuyên môn khác liên quan đến bảo đảm nghĩa vụ trong lĩnh vực luật riêng (luật ngân hàng, luật thương mại, luật hàng hải...); Sinh viên có khả năng tự học tập suốt đời đối với các vấn đề pháp lý về bảo đảm nghĩa vụ theo sự biến đổi và phát triển liên tục của pháp luật Việt Nam cũng như phân tích, đánh giá, bình luận và vận dụng các quy định pháp luật mới phát sinh liên quan về các biện pháp bảo đảm nghĩa vụ.	2TC (30LT)
60	KL036	Kỹ năng đàm phán soạn thảo hợp đồng	Trang bị cho sinh viên nắm vững các vấn đề cơ bản về kỹ năng đàm phán, kỹ thuật trong soạn thảo các loại hợp đồng dân sự, lao động, thương mại. Ngoài ra, môn học còn hệ thống những kiến thức chung về hợp đồng như: Khái quát chung về hợp đồng, phân loại hợp đồng, chủ thể và thẩm quyền giao kết hợp đồng, nguyên tắc giao kết hợp đồng, quyền và nghĩa vụ các bên trong thực hiện hợp đồng...	2TC (30LT)
61	KL037	Kỹ năng tư vấn pháp luật	Học phần giúp sinh viên có những hiểu biết cơ bản về tư vấn pháp luật. Có những kiến thức về kỹ năng tư vấn các loại việc cụ thể về tư vấn thành về doanh nghiệp, hành chính, dân sự, lao động, đất đai, ngân hàng, thuế.	03 TC (45LT/ 0 TH)

HỌC PHẦN 03/04

62	KL016	Kỹ năng soạn thảo văn bản	Trang bị cho sinh viên kiến thức về soạn thảo các loại văn bản hành chính thông dụng như biên bản, công văn, tờ trình, báo cáo, quy chế, quy định,... Từ đó ứng dụng lý thuyết vào thực tiễn để soạn thảo hoàn chỉnh một số loại văn bản thông dụng.	2 TC (30LT)
63	KL017	Anh văn chuyên ngành Luật	Cung cấp các kiến thức cơ bản về ngành luật và các hoạt động liên quan đến luật; phát triển vốn từ vựng chuyên ngành Luật để có thể đọc hiểu tài liệu tham khảo hoặc nghe giảng các chủ đề trong lĩnh vực này; phát triển kiến thức về ngữ pháp, cấu trúc câu và cấu tạo từ vựng trong tiếng Anh.	2 TC (30LT)
64	KL018	Tâm lý học tư pháp	Học phần cung cấp kiến thức về những vấn đề chung của tâm lý tư pháp; các phương pháp tâm lý học tư pháp; nguyên nhân tâm lý hành vi phạm tội; cấu trúc của hoạt động tư pháp; đặc điểm tâm lý hoạt động điều tra; đặc điểm tâm lý của hoạt động xét xử và đặc điểm tâm lý của hoạt động cải tạo	2 TC (30LT)
65	KL038	Luật Chứng khoán	Giúp sinh viên nhận biết và vận dụng được kiến thức lý luận chung và quy định pháp luật về chứng khoán. Từ những kiến thức đó người học có thể áp dụng để giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tiễn. Bên cạnh đó người học còn nhận định được và thực tiễn đòi hỏi của công việc trong tương lai gắn liền với một số chức danh nghề nghiệp thuộc lĩnh vực chứng khoán.	2 TC (30LT)
66	KL039	Pháp luật về kinh doanh bất động sản	Sinh viên tổng hợp được hệ thống kiến thức về bất động sản, sự ra đời của thị trường bất động sản, vai trò, ý nghĩa của thị trường này trong nền kinh tế, các loại hình kinh doanh bất động sản và kinh doanh dịch vụ bất động sản.	2 TC (30LT)
67	KL040	Luật Thương mại điện tử	Học phần cung cấp những kiến thức giúp sinh viên hiểu được những quy định của pháp luật về các hoạt động thương mại điện tử theo pháp luật Việt Nam. Hiểu các đặc trưng pháp lý của các hoạt động thương mại điện tử.	2TC (30LT)
68	KL041	Pháp luật công chứng –	Pháp luật công chứng - luật sư - thừa phát lại - đấu giá là môn học cung cấp cho người học	2TC (30LT)

11/1/2023 10:07/11

		luật sư – thừa phát lại - đấu giá	những kiến thức chuyên sâu về công chứng viên, luật sư, thừa phát lại và đấu giá viên. Bên cạnh đó môn học còn cung cấp kiến thức liên quan đến việc thành lập và hoạt động của tổ chức hành nghề công chứng, tổ chức hành nghề luật sư, văn phòng thừa phát lại và tổ chức đấu giá. Thông qua đó, giúp người học củng cố kiến thức chuyên ngành, nắm rõ hệ thống văn bản quy phạm pháp luật và vận dụng quy định trên thực tế trong các lĩnh vực nói trên.	
69	KL042	Đạo đức nghề luật	Nắm được khái niệm đạo đức nghề luật và hiểu được công việc của những người thực hành nghề luật; Khái niệm đạo đức nghề luật và các nguồn điều chỉnh các tiêu chuẩn đạo đức nghề luật; tiêu chuẩn đạo đức đối với Thẩm phán, Luật sư, Công chứng viên, Kiểm sát viên, Chấp hành viên theo pháp luật hiện hành của Việt Nam; hiểu được mối quan hệ giữa đạo đức nghề luật và các vấn đề xã hội hiện đại.	02 TC (30 LT, 0TH)
70	KL043	Luật hình sự quốc tế	Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về luật hình sự quốc tế, vai trò của luật hình sự quốc tế trong việc đảm bảo quyền con người.	2TC (30LT)
71	KL044	Pháp luật về kinh doanh bảo hiểm	Học phần này cung cấp các kiến thức pháp luật về hoạt động kinh doanh bảo hiểm bao gồm các nội dung cơ bản sau: Lý luận chung về pháp luật kinh doanh bảo hiểm; địa vị pháp lý của các chủ thể thực hiện hoạt động kinh doanh bảo hiểm như doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm, đại lý bảo hiểm; quy chế pháp lý về hợp đồng trong kinh doanh bảo hiểm; quy định của pháp luật về hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm dân sự, hợp đồng bảo hiểm tài sản và hợp đồng bảo hiểm con người; hợp đồng bảo hiểm vận chuyển hàng hóa trong hoạt động xuất nhập khẩu và quản lý nhà nước về kinh doanh bảo hiểm.	2TC (30LT)
72	KL045	Luật An ninh mạng	Luật An ninh mạng là học phần cung cấp cho người học những kiến thức lý luận và thực tiễn về hoạt động bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên không gian mạng. Bên cạnh đó môn học còn cung	2TC (30LT)

			cấp kiến thức liên quan đến chính sách của Nhà nước về an ninh mạng; nguyên tắc và biện pháp bảo vệ an ninh mạng, bảo vệ không gian mạng quốc gia; hợp tác quốc tế về an ninh mạng; các hành vi bị nghiêm cấm về an ninh mạng; xử lý vi phạm pháp luật về an ninh mạng. Thông qua đó, giúp người học củng cố kiến thức chuyên ngành, nắm rõ hệ thống văn bản quy phạm pháp luật và vận dụng quy định trên thực tế trong các lĩnh vực nói trên.	
73	KL046	Pháp luật về trọng tài thương mại	Học phần cung cấp kiến thức về thỏa thuận trọng tài, tổ tụng trọng tài, thực tiễn giải quyết tranh chấp bằng trọng tài tại một số Trung tâm trọng tài quốc tế, những vấn đề pháp lý các thương nhân Việt Nam cần lưu ý khi lựa chọn phương thức giải quyết tranh chấp bằng trọng tài, và bài học kinh nghiệm.	2TC (30LT)
74	KL047	Luật Đấu thầu	Học phần cung cấp cho sinh viên những vấn đề chung về đấu thầu và pháp luật về đấu thầu; nội dung các quy định của pháp luật Việt Nam về quy trình đấu thầu; Từ những kiến thức đó người học có thể áp dụng để giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tiễn. Bên cạnh đó người học còn nhận định được và thực tiễn đòi hỏi của công việc trong tương lai gắn liền với một số chức danh nghề nghiệp thuộc lĩnh vực đấu thầu.	2TC (30LT)
75	KL048	Thực hành nghề luật	Thực hành nghề luật là học phần thực hành của chương trình đào tạo cử nhân luật. Bên cạnh việc cung cấp cho người học những kiến thức, thông tin về tổ chức giáo dục thực hành, học phần còn cung cấp những kiến thức về cách thức và phương pháp để áp dụng kiến thức pháp luật lý thuyết về pháp luật vào thực tế. Cụ thể là trong hoạt động giảng dạy và tư vấn, hỗ trợ pháp lý cho cộng đồng. Thông qua học phần thực hành nghề luật, người học có thể vận dụng những phương pháp, quy trình để tiếp cận, nghiên cứu, xây dựng nội dung pháp luật hoàn chỉnh để thực hiện các hoạt động giảng dạy, tuyên truyền, tư vấn và hỗ trợ pháp lý để phục vụ cho nhu cầu của cộng đồng.	2TC (30LT)

76	KL049	Thực tập tốt nghiệp	Học phần giúp cho sinh viên củng cố kiến thức đã học thông qua việc tiếp cận, tìm hiểu thực tiễn tại các cơ quan, tổ chức cụ thể như Tòa án, Viện kiểm sát, cơ quan hành chính, doanh nghiệp, văn phòng Luật sư, văn phòng Công chứng, văn phòng Thừa phát lại; vận dụng kiến thức để phân tích, tổng hợp và xử lý các vấn đề chuyên môn của ngành luật nhằm phát hiện vấn đề nghiên cứu tại đơn vị thực tập. Đồng thời, thực tập tốt nghiệp còn là cơ hội để sinh viên rèn luyện các kỹ năng mềm như làm việc nhóm, sử dụng tin học văn phòng, văn hóa ứng xử công sở và là bước đầu thực hành nghề luật.	10TC (450TH)
77	KL050	Khóa luận tốt nghiệp	Học phần Khóa luận tốt nghiệp trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng, phương pháp nghiên cứu khoa học, vận dụng các kiến thức đã học để hoàn thành đề tài nghiên cứu đã chọn. Đồng thời, học phần giúp cho sinh viên bước đầu hình thành ý tưởng, phát triển kỹ năng nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn đặt ra trong lĩnh vực pháp luật; biết cách phân tích, tổng hợp và vận dụng lý thuyết để giải quyết vấn đề pháp lý trong thực tiễn của cơ quan, tổ chức, hoặc doanh nghiệp; xử lý các vấn đề chuyên môn về pháp luật nhằm củng cố kiến thức về lý luận và đưa ra những giải pháp điều chỉnh các vấn đề pháp luật một cách khoa học; phát triển phương pháp nghiên cứu khoa học và kỹ năng trình bày báo cáo nghiên cứu	10TC (450TH)
78	KL051	Pháp luật an sinh xã hội	Học phần Pháp luật về an sinh xã hội hướng tới mục tiêu trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất và thiết thực nhất về an sinh xã hội như: đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh, và các nguyên tắc cơ bản của ngành luật an sinh xã hội; đồng thời trang bị cho sinh viên kiến thức pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, và về chế độ, chính sách về bảo trợ xã hội hiện hành.	2TC (30LT)
79	KL052	Pháp luật về hộ tịch	Cung cấp kiến thức về một số quy định chung về công tác hộ tịch; trình tự, thủ tục đăng ký hộ tịch. Hiểu được tầm quan trọng, nguyên tắc đăng ký và công tác quản lý hộ tịch, đăng ký kết hôn, đăng ký giám hộ, ...	2TC (30LT)

80	KL053	Pháp luật kinh doanh dịch vụ Logistic	Trang bị cho sinh viên kiến thức pháp luật cơ bản về kinh doanh dịch vụ Logistics, hiểu và có khả năng phân tích quy định về luật về kinh doanh dịch vụ Logistics, từ đó đưa ra quyết định đúng đắn khi thực hiện kinh doanh dịch vụ Logistics.	2TC (30LT)
81	KL054	Pháp luật sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ	Học phần giúp sinh viên nhận biết và vận dụng được kiến thức lý luận chung và quy định pháp luật về sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ. Từ những kiến thức đó người học có thể áp dụng để giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tiễn. Bên cạnh đó người học còn nhận định được và thực tiễn đòi hỏi của công việc trong tương lai gắn liền với một số chức danh nghề nghiệp thuộc lĩnh vực sở hữu trí tuệ.	03 TC (45LT, 0 TH)
82	KL055	Nghiệp vụ tòa án	Học phần giúp người học hệ thống kiến thức cơ bản của các học phần đã học trong chương trình đào tạo.	3TC (45LT)

12.1. Các khối kiến thức

Tổng khối lượng chương trình: 141 tín chỉ (bao gồm 11 tín chỉ của các học phần Giáo dục Quốc phòng - An ninh, Giáo dục thể chất), trong đó có 115 tín chỉ bắt buộc, 26 tín chỉ tự chọn.

Trong đó bao gồm:

Bảng 5. Phân bổ khối kiến thức

TT	Khối kiến thức	Tín chỉ bắt buộc	Tín chỉ tự chọn	Tổng	Tỷ lệ* (%)
1	Kiến thức giáo dục đại cương	36	4	40	22,31
1.1	Phần Giáo dục Quốc phòng – An ninh, Giáo dục thể chất *	11		11	0
1.2	Kiến thức khoa học xã hội, ngoại ngữ, tin học	25	4	29	22,31
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	79	22	101	77,69
2.1	Kiến thức cơ sở ngành	33	2	35	26,92
2.2	Kiến thức ngành chính	46	8	54	41,53

2.3	Thực hành, thực tập nghề nghiệp	2	2	2	1,52
2.4	Khóa luận tốt nghiệp, Thực tập tốt nghiệp (Các học phần thay thế tương đương)	0	10	10	7,69
	Tổng	115	26	141	100

Ghi chú: “*” Không tính 11 tín chỉ của các học phần Giáo dục Quốc phòng - An ninh, Giáo dục thể chất.

12.2 Nội dung chi tiết

Bảng 6. Khung chương trình đào tạo ngành Luật

TT	Mã học phần	Tên học phần	Học kỳ	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần học trước
1. Kiến thức giáo dục đại cương				40	36	04			
1	CB050	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*)	2	2	2		37	8	
2	CB051	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*)	2	2	2		22	8	
3	CB052	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*)	2	2	2		14	16	
4	CB053	Giáo dục quốc phòng và An ninh 4(*)	2	2	2		4	56	
5	CB035	Giáo dục thể chất 1*	2	1	1		15	15	
6	CB036	Giáo dục thể chất 2*	2	1	1		15	15	
7	CB037	Giáo dục thể chất 3*	2	1	1		15	15	
8	CB040	Triết học Mác - Lênin	1	3	3		45		
9	CB041	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	2		30		CB040
10	CB042	Chủ nghĩa xã hội khoa học	3	2	2		30		CB041
11	CB043	Tư tưởng Hồ Chí Minh	4	2	2		30		CB042
12	CB044	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	5	2	2		30		CB043
13	TT092	Tin học căn bản	3	2	2		15	30	
14	CB023	Anh văn căn bản 1	1	4	4		60		
15	CB024	Anh văn căn bản 2	2	3	3		45		CB023
16	CB025	Anh văn căn bản 3	3	3	3		45		CB024
17	KL001	Logic học đại cương	2	2	2		30		
18	CB049	Đổi mới sáng tạo và Khởi nghiệp	4	2		2	30		
19	CB039	Cơ sở văn hóa Việt Nam	4	2			30		
20	CB012	Kỹ năng giao tiếp	4	2			30		
21	CB038	Tiếng việt thực hành	2	2		2	30		
22	KL002	Tâm lý học đại cương	2	2			30		
23	CB005	Văn bản và lưu trữ đại cương	2	2			30		

TT	Mã học phần	Tên học phần	Học kỳ	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần học trước
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp				101	79	22			
2.1. Kiến thức cơ sở				35	33	2			
24	KL003	Lý luận nhà nước và pháp luật	1	4	4		60		
25	KL004	Lịch sử các học thuyết pháp lý	1	2	2		30		
26	KL005	Luật Hiến pháp	2	2	2		30		
27	KL006	Luật so sánh	5	2	2		30		KL003
28	KL007	Luật dân sự 1	2	2	2		30		KL003
29	KL008	Luật hình sự 1	2	3	3		45		
30	KL009	Luật hành chính	1	3	3		45		
31	KL010	Luật lao động	3	3	3		45		KL003
32	KL011	Luật đất đai	5	3	3		45		KL007 KL009
33	KL012	Luật môi trường	5	2	2		30		KL007 KL009
34	KL013	Luật thương mại	4	3	3		45		KL007
35	KL014	Luật tài chính nhà nước	5	2	2		30		KL005 KL009 KL013
36	KL015	Phương pháp nghiên cứu khoa học luật	7	2	2		30		
37	KL016	Kỹ năng soạn thảo văn bản	6	2		2	30		
38	KL017	Anh văn chuyên ngành Luật	6	2			30		CB025
39	KL018	Tâm lý học tư pháp	6	2			30		KL002
2.2. Kiến thức ngành chính				56	46	10			
40	KL019	Luật dân sự 2	3	2	2		30		KL007
41	KL020	Luật hình sự 2	3	2	2		30		KL008
42	KL021	Luật hôn nhân và gia đình	3	2	2		30		KL007
43	KL022	Luật tố tụng dân sự	6	3	3		45		KL019
44	KL023	Luật tố tụng hình sự	6	3	3		45		KL020
45	KL024	Luật tố tụng hành chính	4	2	2		30		KL009
46	KL025	Luật thương mại quốc tế	6	3	3		45		KL013
47	KL026	Công pháp quốc tế	5	2	2		30		KL005
48	KL027	Tư pháp quốc tế	7	2	2		30		KL013 KL022 KL026
49	KL028	Luật đầu tư	4	2	2		30		
50	KL029	Pháp luật về chủ thể kinh doanh	4	3	3		45		KL013
51	KL030	Pháp luật về quy hoạch và giải phóng mặt bằng	7	2	2		30		KL011
52	KL031	Lý luận và pháp luật về quyền con người	6	2	2		30		

TT	Mã học phần	Tên học phần	Học kỳ	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần học trước
53	KL032	Luật thuế	4	3	3		45		
54	KL033	Pháp luật về phòng chống tham nhũng	8	2	2		30		
55	KL034	Luật Ngân hàng	5	3	3		45		
56	KL035	Pháp luật về giao dịch bảo đảm	7	2	2		30		KL019
57	KL036	Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng	7	3	3		45		KL003 KL019
58	KL037	Kỹ năng tư vấn pháp luật	8	3	3		45		KL009 KL013 KL019 KL020
59	KL038	Luật chứng khoán	7	2		2	30		KL013
60	KL039	Pháp luật về kinh doanh bất động sản	7	2			30		KL011 KL013
61	KL040	Luật thương mại điện tử	7	2			30		KL013
62	KL041	Pháp luật công chứng - luật sư - thừa phát lại - đấu giá	7	2		4	30		
63	KL042	Đạo đức nghề luật	6	2			30		KL020
64	KL043	Luật hình sự quốc tế	7	2			30		KL020
65	KL044	Pháp luật về kinh doanh bảo hiểm	7	2			30		KL013
66	KL045	Luật an ninh mạng	6	2		4	30		
67	KL046	Pháp luật về trọng tài thương mại	6	2			30		
68	KL047	Luật đấu thầu	7	2			30		
69	KL048	Thực hành nghề luật	6	2			0	90	
2.3. Thực tập, khóa luận tốt nghiệp và học phần thay thế				10		10			
70	KL049	Thực tập tốt nghiệp	8	10		10	0	450	
71	KL050	Khóa luận tốt nghiệp	8	10			0	450	
72	KL051	Pháp luật về an sinh xã hội	8	2			30		KL013
73	KL052	Pháp luật về hộ tịch	8	2			30		
74	KL053	Pháp luật về kinh doanh dịch vụ Logistics	8	2			30		KL013
75	KL054	Pháp luật về sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ	8	2			30		KL019
76	KL055	Nghị quyết vụ tòa án	8	2			30		
Tổng cộng: 141 tín chỉ (Bắt buộc: 115 tín chỉ; Tự chọn: 26 tín chỉ)									

Ghi chú:

- Học phần có dấu (*) là những học phần điều kiện, không tính vào điểm trung bình chung tích lũy.

- Sinh viên hoàn thành 10 tín chỉ tốt nghiệp (học kỳ 8) bằng 01 trong 03 phương án sau:

+ Phương án 1: Thực hiện Khóa luận tốt nghiệp – Luật (10 tín chỉ) nếu sinh viên đã tích lũy $\geq 95\%$ tín chỉ trong chương trình đào tạo, điểm trung bình tích lũy $\geq 2,5$.

+ Phương án 2: Thực hiện Thực tập tốt nghiệp – Luật (10 tín chỉ).

+ Phương án 3: Học các học phần thay thế tương đương (10 tín chỉ).

1.1
2.1
3.1
4.1
5.1
6.1
7.1
8.1
9.1
10.1
11.1
12.1
13.1
14.1
15.1
16.1
17.1
18.1
19.1
20.1
21.1
22.1
23.1
24.1
25.1
26.1
27.1
28.1
29.1
30.1
31.1
32.1
33.1
34.1
35.1
36.1
37.1
38.1
39.1
40.1
41.1
42.1
43.1
44.1
45.1
46.1
47.1
48.1
49.1
50.1
51.1
52.1
53.1
54.1
55.1
56.1
57.1
58.1
59.1
60.1
61.1
62.1
63.1
64.1
65.1
66.1
67.1
68.1
69.1
70.1
71.1
72.1
73.1
74.1
75.1
76.1
77.1
78.1
79.1
80.1
81.1
82.1
83.1
84.1
85.1
86.1
87.1
88.1
89.1
90.1
91.1
92.1
93.1
94.1
95.1
96.1
97.1
98.1
99.1
100.1

13. MA TRẬN LIÊN KẾT GIỮA CÁC HỌC PHẦN VỚI CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Bảng 7. Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra ngành Luật và chuẩn đầu ra của từng học phần:

Chuẩn đầu ra (PLO)																										
Học phần				Kiến thức										Kỹ năng								Mức tự chủ và trách nhiệm				
				PL O1	PL O2	PL O3	PL O4	PL O5	PL O6	PL O7	PL O8	PL O9	PL O10	PL O1	PL O2	PL O3	PL O4	PL O5	PL O6	PL O7	PL O8			PL O9	PL O1	PL O2
TT	Mã HP	Tên học phần																								
. Kiến thức giáo dục đại cương																										
1	CB050	GDQP&AN 1: Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam*		X																				X		
2	CB051	GDQP&AN 2: Công tác quốc phòng và an ninh*		X																				X		
3	CB052	GDQP&AN 3: Quân sự chung*		X																						
4	CB053	GDQP&AN 4: Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật*		X																						

Chuẩn đầu ra (PLO)																										
Học phần			Kiến thức														Kỹ năng								Mức tự chủ và trách nhiệm	
			PL O1	PL O2	PL O3	PL O4	PL O5	PL O6	PL O7	PL O8	PL O9	PL O10	PL O1	PL O2	PL O3	PL O4	PL O5	PL O6	PL O7	PL O8	PL O9	PL O1	PL O2	PL O3	PL O4	PL O5
			PL O1	PL O2	PL O3	PL O4	PL O5	PL O6	PL O7	PL O8	PL O9	PL O10	PL O1	PL O2	PL O3	PL O4	PL O5	PL O6	PL O7	PL O8	PL O9	PL O1	PL O2	PL O3	PL O4	PL O5
TT	Mã HP	Tên học phần																								
5	CB035	Giáo dục thể chất 1*	X																							
6	CB036	Giáo dục thể chất 2*	X																							
7	CB037	Giáo dục thể chất 3*	X																							
8	CB040	Triết học Mác - Lênin	X	X							X															X
9	CB041	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	X	X							X															
10	CB042	Chủ nghĩa xã hội khoa học	X	X							X															
11	CB043	Tư tưởng Hồ Chí Minh	X	X							X															X
12	CB044	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	X								X															
13	CB049	Đổi mới sáng tạo và Khởi nghiệp									X											X	X	X	X	
14	CB039	Cơ sở văn hóa Việt Nam		X							X											X				

Học phần		Chuẩn đầu ra (PLO)																				Mức tự chủ và trách nhiệm								
		Kiến thức										Kỹ năng																		
		PL O1	PL O2	PL O3	PL O4	PL O5	PL O6	PL O7	PL O8	PL O9	PL O10	PL O1	PL O2	PL O3	PL O4	PL O5	PL O6	PL O7	PL O8	PL O9	PL O10									
TT	Mã HP	Tên học phần																				PL O1	PL O2	PL O1	PL O2	PL O1	PL O2	PL O1	PL O2	
15	CB012	Kỹ năng giao tiếp																												
16	CB013	Logic học đại cương																												
17	CB005	Văn bản và lưu trữ đại cương																												
18	CB038	Tiếng việt thực hành																												
19	KL002	Tâm lý học đại cương																												
19	TT092	Tin học căn bản																												
20	CB023	Anh văn căn bản 1																												
21	CB024	Anh văn căn bản 2																												
22	CB025	Anh văn căn bản 3																												
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp																														

Chuẩn đầu ra (PLO)																										
Học phần			Kiến thức												Kỹ năng										Mức tự chủ và trách nhiệm	
			PL O1	PL O2	PL O3	PL O4	PL O5	PL O6	PL O7	PL O8	PL O9	PL O10	PL O11	PL O12	PL O13	PL O14	PL O15	PL O16	PL O17	PL O18	PL O19	PL O20	PL O21	PL O22	PL O23	PL O24
TT	Mã HP	Tên học phần																								
35	KL015	Phương pháp nghiên cứu khoa học luật							X	X		X		X		X	X									
36	KL016	Kỹ năng soạn thảo văn bản					X					X			X		X	X								
37	KL017	Anh văn chuyên ngành Luật												X		X			X	X						
38	KL018	Tâm lý học tư pháp		X												X					X					
2.2. Kiến thức bắt buộc																										
39	KL019	Luật dân sự 2						X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X								
40	KL020	Luật hình sự 2						X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X								
42	KL021	Luật hôn nhân và gia đình						X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X								
43	KL022	Luật tổ tụng dân sự						X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X								
44	KL023	Luật tổ tụng hình sự						X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X								
45	KL024	Luật tổ tụng hành chính						X	X	X		X	X	X	X	X	X	X								
46	KL025	Luật thương mại quốc tế						X	X	X		X	X	X	X	X	X	X								

Chuẩn đầu ra (PLO)																										
Học phần			Kiến thức												Kỹ năng								Mức tự chủ và trách nhiệm			
			PL O1	PL O2	PL O3	PL O4	PL O5	PL O6	PL O7	PL O8	PL O9	PL O10	PL O11	PL O12	PL O13	PL O14	PL O15	PL O16	PL O17	PL O18	PL O19	PL O20			PL O21	
TT	Mã HP	Tên học phần																								
47	KL026	Công pháp quốc tế																								
48	KL027	Tư pháp quốc tế																								
49	KL028	Luật đầu tư																								
50	KL029	Pháp luật về chủ thể kinh doanh																								
51	KL030	Pháp luật về quy hoạch và giải phóng mặt bằng																								
52	KL031	Lý luận pháp luật về quyền con người	X																							
53	KL032	Luật thuế																								
54	KL033	Luật Phòng chống tham nhũng	X																							
55	KL034	Luật Ngân hàng																								
56	KL035	Pháp luật về giao dịch bảo đảm																								

Học phần			Chuẩn đầu ra (PLO)																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																									
			Kiến thức												Kỹ năng												Mức tự chủ và trách nhiệm																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																	
			PL O1	PL O2	PL O3	PL O4	PL O5	PL O6	PL O7	PL O8	PL O9	PL O10	PL O11	PL O12	PL O13	PL O14	PL O15	PL O16	PL O17	PL O18	PL O19	PL O20	PL O21																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																					
TT	Mã HP	Tên học phần																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																										</

14. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (DỰ KIẾN)

Kế hoạch giảng dạy (dự kiến) như sau:

Bảng 8. Kế hoạch giảng dạy năm học 1

STT	Học kỳ 1			Học kỳ 2			Học kỳ hè		
	Học phần	Số TC	Số TC tích lũy	Học phần	Số TC	Số TC tích lũy	Học phần	Số TC	Số TC tích lũy
1	Triết học Mác - Lênin	3	3	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	GDQP&AN 1*	2	2
2	Lý luận nhà nước và pháp luật	4	4	Luật dân sự 1	2	2	GDQP&AN 2 *	2	2
3	Lịch sử các học thuyết pháp lý	2	2	Luật hình sự 1	3	3	GDQP&AN 3 *	2	2
4	Luật hành chính	3	3	Logic học đại cương	2	2	GDQP&AN 4 *	2	2
5	Anh văn căn bản 1	4	4	Anh văn căn bản 2	3	3	Giáo dục thể chất 1, 2, 3*	3	3
6				Luật Hiến pháp	2	2			
7				Tiếng Việt thực hành	2	2			
8				Tâm lý học đại cương	2	2			
				Văn bản và lưu trữ đại cương	2	2			
	Cộng		16	Cộng		16	Cộng	11	

Bảng 9. Kế hoạch giảng dạy năm học 2

TT	Học kỳ 3			Học kỳ 4			Học kỳ hè		
	Học phần	Số TC	Số TC tích lũy	Học phần	Số TC	Số TC tích lũy	Học phần	Số TC	Số TC tích lũy
1	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2			
2	Luật dân sự 2	2	2	Luật thương mại	3	3			
3	Luật hình sự 2	2	2	Luật Thuế	3	3			
4	Luật hôn nhân và gia đình	2	2	Pháp luật về chủ thể kinh doanh	3	3			
5	Luật lao động	3	3	Luật đầu tư	2	2			
6	Anh văn căn bản 3	3	3	Luật tổ tụng hành chính	2	2			
7	Tin học căn bản	2	2	Đổi mới sáng tạo và Khởi nghiệp	2	2			
8				Cơ sở văn hóa Việt Nam	2				
9				Kỹ năng giao tiếp	2				
	Cộng		16	Cộng		17			

Bảng 10. Kế hoạch giảng dạy năm học 3

TT	Học kỳ 5			Học kỳ 6			Học kỳ hè		
	Học phần	Số TC	Số TC tích lũy	Học phần	Số TC	Số TC tích lũy	Học phần	Số TC	Số TC tích lũy
1	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	Lý luận và pháp luật về quyền con người	2	2			
2	Luật tài chính nhà nước	2	2	Luật thương mại quốc tế	3	3			
3	Luật Ngân hàng	3	3	Luật tổ tụng dân sự	3	3			
4	Công pháp quốc tế	2	2	Luật tố tụng hình sự	3	3			
5	Luật đất đai	3	3	Kỹ năng soạn thảo văn bản	2	2			
6	Luật so sánh	2	2	Anh văn chuyên ngành Luật	2	2			
7	Luật môi trường	2	2	Tâm lý học tư pháp	2	2			
8				Thực hành nghề luật	2	2			
9				Luật An ninh mạng	2	2			
10				Pháp luật về trọng tài thương mại	2	4			
11				Đạo đức nghề luật	2	2			
	Cộng		16	Cộng		17			

Bảng 11. Kế hoạch giảng dạy năm học 4

TT	Học kỳ 7			Học kỳ 8			Học kỳ hè		
	Học phần	Số TC	Số TC tích lũy	Học phần	Số TC	Số TC tích lũy	Học phần	Số TC	Số TC tích lũy
1	Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng	3	3	Pháp luật về phòng chống tham nhũng	2	2			
2	Tư pháp quốc tế	2	2	Kỹ năng tư vấn pháp luật	3	3			
3	Pháp luật về giao dịch bảo đảm	2	2	Thực tập tốt nghiệp	10	10			
4	Pháp luật về quy hoạch và giải phóng mặt bằng	2	2	Khóa luận tốt nghiệp	10				
5	Phương pháp nghiên cứu khoa học luật	2	2	Pháp luật về an sinh xã hội	2				
6	Luật chứng khoán	2	2	Pháp luật về hộ tịch	2				
7	Pháp luật về kinh doanh bất động sản	2		Pháp luật về kinh doanh dịch vụ Logistics	2	2			
8	Luật thương mại điện tử	2		Pháp luật về sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ	2				
9	Pháp luật công chứng - luật sư - thừa phát lại - đấu giá	2	4	Nghiệp vụ tòa án	2				
10	Luật Đấu thầu	2							
11	Luật hình sự quốc tế	2							
12	Pháp luật về kinh doanh bảo hiểm	2							
	Cộng		17	Cộng		15			

15. PHƯƠNG PHÁP DẠY

15.1. Phương pháp nghiên cứu trường hợp

Mô tả phương pháp

Là phương pháp sử dụng một sự kiện hoặc chuỗi sự kiện có thật hoặc tình huống giả định được xây dựng trên sự kiện thực tế để minh chứng cho một vấn đề hay một số vấn đề. Đôi khi nghiên cứu trường hợp có thể thực hiện bằng các phương tiện nghe nhìn (âm thanh, video,...) mà không cần trên văn bản viết.

Cách thức thực hiện

- Giảng viên lựa chọn một câu chuyện thực tế.
- Người học sẽ được chia theo nhóm để thảo luận các vấn đề được nêu trong câu chuyện.
- Các câu chuyện thực tế được lựa chọn cần phải đảm bảo: Thực tế; Phức tạp; Nguồn thông tin để xây dựng bối cảnh tình huống phải phong phú và đa dạng; Liên quan đến một tình huống hoặc một vấn đề có tính chất phức tạp, chứa đựng mâu thuẫn và có nhiều giải pháp khác nhau yêu cầu người học phải thảo luận để đưa ra quyết định cuối cùng.

Lợi ích

- Phát triển kỹ năng làm việc nhóm.
- Phát triển tư duy phản biện.
- Thu hẹp khoảng cách giữa lý thuyết và thực tiễn.
- Tạo môi trường mô phỏng thực tế giúp người học trao đổi kinh nghiệm, kiến thức để học hỏi lẫn nhau.

Cách thức đánh giá

- Thông qua bài thuyết trình hoặc bài tiểu luận.
- Thông qua các câu hỏi mở hoặc các bài tập yêu cầu kỹ năng làm việc nhóm và chia sẻ nguồn tài liệu.

15.2 Phương pháp phát vấn

Mô tả phương pháp

Là quá trình tương tác giữa người dạy và người học, được thể hiện thông qua hệ thống câu hỏi và câu trả lời tương ứng về một chủ đề nhất định được người dạy đặt ra. Có 3 hình thức vấn đáp cơ bản là vấn đáp tái hiện, vấn đáp giải thích minh họa và vấn đáp tìm tòi.

Cách thức triển khai

- Xác định vấn đề cần vấn đáp.
- Dự kiến nội dung các câu hỏi, hình thức hỏi, thời điểm đặt câu hỏi và trình tự câu hỏi.
- Hướng dẫn người học vấn đáp.

Lợi ích của phương pháp

- Kích thích tư duy độc lập của người học.

- Tạo môi trường học tập sôi nổi, sinh động và kích thích hứng thú học tập của người học.

- Rèn luyện năng lực biểu đạt của người học.

Cách thức đánh giá

Thông qua hệ thống câu hỏi đã chuẩn bị trước.

15.3 Phương pháp thuyết trình tích cực

Mô tả phương pháp

Phương pháp này có sự phối hợp giữa hành động của người dạy và người học, bao gồm: quá trình lập kế hoạch, thực hiện và đánh giá giờ học.

Người dạy sẽ đưa ra các tình huống và chỉ dẫn những công cụ để có thể giải quyết vấn đề. Người dạy chỉ có vai trò là người tư vấn chứ không giải đáp vấn đề.

Người học phải có vai trò nhiều hơn trong quá trình học tập của mình và tự điều khiển kết quả.

Cách thức triển khai

- Xác định kiến thức nền của người học liên quan đến nội dung bài giảng bằng cách đặt câu hỏi thu thập thông tin.

- Chia người học thành các nhóm nhỏ hoặc các đôi.

- Đặt câu hỏi hoặc đưa ra vấn đề liên quan đến nội dung bài giảng để người học suy nghĩ trong buổi học.

- Cung cấp dàn ý nội dung bài giảng buổi học.

- Tiến hành giảng bài. Mỗi 15-20 phút giảng sẽ có 5 phút dành cho người học trao đổi với nhóm hoặc đặt câu hỏi.

- Cuối buổi giảng có thể yêu cầu người học dành 1-2 phút làm bài tập nhanh, trong đó ghi ra nội dung chính của bài giảng, nội dung chưa hiểu cần được giảng lại. Hoặc người học tham gia vào buổi thảo luận để giải quyết câu hỏi/vấn đề đặt ra ở đầu buổi.

Lợi ích của phương pháp

- Giúp người học tiếp cận nhanh chóng với các thông tin và kiến thức mới có tính phức tạp mà người học không thể tự lĩnh hội.

- Người học có thể tiếp cận với những thông tin chưa được phổ biến.

Cách thức đánh giá

- Đánh giá tổng thể.

- Đánh giá quá trình.

15.4 Phương pháp giải quyết vấn đề

Mô tả phương pháp

Là phương pháp trong đó người dạy tạo ra những tình huống chứa đựng vấn đề, hướng dẫn người học phát hiện vấn đề, hoạt động tự giác, tích cực, chủ động, sáng tạo để giải quyết vấn đề và thông qua đó lĩnh hội tri thức, rèn luyện kỹ năng và đạt được những mục đích học tập khác.

Cách thức thực hiện

- Đưa ra tình huống có chứa vấn đề cần giải quyết.
- Phân tích vấn đề đề xuất hướng giải quyết.
- Trình bày và phân tích các giải pháp.
- Lựa chọn giải pháp phù hợp và đúng đắn nhất.

Lợi ích của phương pháp

- Rèn luyện tư duy phản biện và sáng tạo của người học.
- Phát triển khả năng tìm tòi và xem xét vấn đề từ nhiều góc độ khác nhau.

Cách thức đánh giá

Kỹ năng làm việc nhóm.

15.5. Phiên Tòa giả định (Moot Court)

Mô tả phương pháp

Phiên tòa giả định là phương pháp giáo dục và tuyên truyền pháp luật bằng cách tái hiện một phiên tòa thực tế, bao gồm các thành phần như Hội đồng xét xử, luật sư, bị cáo, nhân chứng... Mục đích của phương pháp này là giúp người học hiểu rõ hơn về các quy định pháp luật, quá trình xét xử, và hậu quả của việc vi phạm pháp luật.

Cách thức thực hiện

- Lựa chọn vụ án: Chọn một vụ án điển hình hoặc có tính thời sự để mô phỏng.
- Lập kịch bản: Xây dựng kịch bản phiên tòa, bao gồm diễn biến của vụ án, các câu hỏi, tranh luận, và các chứng cứ liên quan.
- Sắp xếp các vai trò: Xác định vai trò của từng người tham gia, bao gồm Hội đồng xét xử, luật sư, bị cáo, nhân chứng, và người tham gia khán giả.
- Thực hiện phiên tòa: Tổ chức phiên tòa theo đúng trình tự của một phiên tòa thật, bao gồm thủ tục xét hỏi, tranh luận, nghị án và tuyên án.
- Giao lưu, giải đáp: Sau khi kết thúc phiên tòa, tổ chức phần giao lưu, giải đáp thắc mắc của người tham gia.

Lợi ích của phương pháp

- Tăng cường hiểu biết về pháp luật: Giúp người học hiểu rõ hơn về các quy định pháp luật, quá trình xét xử, và hậu quả của việc vi phạm pháp luật.
- Rèn luyện kỹ năng: Tạo điều kiện cho người học rèn luyện kỹ năng tranh luận, lập luận, và thuyết trình.
- Tăng cường tính trực quan: Phiên tòa giả định mang tính trực quan, giúp người học dễ dàng tiếp thu và ghi nhớ kiến thức.
- Tạo tính rắn đe: Giúp người học nhận thức rõ hơn về hậu quả của việc vi phạm pháp luật, từ đó nâng cao ý thức chấp hành pháp luật.

Cách thức đánh giá

- Hồ sơ diễn án.

- Thực hành tại buổi diễn.

16. PHƯƠNG PHÁP HỌC

16.1 Tự học

Mô tả phương pháp

Tự học là phương pháp người học tự lĩnh hội kiến thức thông qua nhiều cách khác nhau mà không có sự giám sát, hỗ trợ trực tiếp của người dạy hoặc không tham dự lớp học.

Cách thức thực hiện

- Đặt mục tiêu thực tế, phù hợp với năng lực và điều kiện của người học.
- Tìm ra phương pháp học tập phù hợp với bản thân người học.
- Ôn lại nội dung đã học trong cùng ngày.
- Chia nhỏ thời gian các buổi tự học và tiến hành đều đặn.
- Xây dựng và duy trì môi trường tự học.

Lợi ích của phương pháp

- Phát triển khả năng vận dụng tư duy độc lập của người học.
- Giúp người học khám phá được lĩnh vực kiến thức mà họ hứng thú và đam mê.

16.2 Thuyết trình

Mô tả phương pháp

Thuyết trình là hình thức người học được yêu cầu trình bày và phân tích về một đề tài cụ thể nào đó. Người học có thể thuyết trình theo hình thức cá nhân hoặc nhóm. Bài thuyết trình có thể có hoặc không sử dụng trình chiếu hình ảnh.

Cách thức thực hiện

- Cung cấp cho người học danh sách các đề tài/vấn đề để người học lựa chọn với các yêu cầu cụ thể về bài thuyết trình, bao gồm thời gian, hình thức cá nhân hay nhóm, độ dài, câu hỏi thảo luận.

- Hướng dẫn, cung cấp thông tin liên quan đến đề tài cho người học, ví dụ: nguồn thông tin tài liệu tham khảo, nội dung và cách thức thuyết trình, quy định về slides trình bày.

- Yêu cầu người nghe chuẩn bị câu hỏi thảo luận liên quan đề tài thuyết trình.
- Sinh viên trình bày và điều phối buổi thảo luận.
- Nhận xét, đánh giá về bài thuyết trình và phần thảo luận.

Lợi ích của phương pháp

- Truyền tải những thông tin phức tạp bằng cách đơn giản và thú vị để thu hút sự chú ý của người nghe.

- Phát triển sự tự tin của người học.

- Phát triển những kỹ năng có tính thực tiễn cao. Ví dụ: khả năng trình bày những thành tựu và kỹ năng cá nhân trong phỏng vấn xin việc.

Cách thức đánh giá

Bài thuyết trình.

16.3 Làm việc nhóm

Mô tả phương pháp

Làm việc nhóm là hình thức dạy học yêu cầu người học tham gia vào các hoạt động học tập bằng cách làm việc cùng nhau trong một nhóm với khoảng thời gian xác định về một vấn đề nào đó để có được kết quả chung.

Cách thức thực hiện

- Xác định mục tiêu kiến thức và kỹ năng người dạy muốn người học lĩnh hội
 - Đưa ra câu hỏi/nhiệm vụ/bài tập có tính thử thách.
 - Chia người học thành các nhóm nhỏ và giao nhiệm vụ cụ thể cho từng nhóm.
- Giải thích rõ yêu cầu của nhiệm vụ cũng như nêu rõ quy định phương thức làm việc nhóm.

- Dành thời gian cho các nhóm làm việc.
- Đề các nhóm trình bày kết quả làm việc.
- Yêu cầu người học phản hồi về quá trình làm việc nhóm.

Lợi ích của phương pháp

- Tạo môi trường học tập thú vị nhằm kích thích người học chủ động tham gia học tập và nghiên cứu.
- Phát triển tư duy phản biện, kỹ năng giao tiếp và kỹ năng ra quyết định và tăng cường sự chia sẻ, trao đổi kiến thức và quan điểm giữa người học với nhau.
- Giúp người học tiếp cận với những quan điểm khác nhau về cùng một vấn đề.

Cách thức đánh giá

- Đánh giá đồng đẳng giữa các nhóm và/hoặc giữa các thành viên trong cùng nhóm.
- Đánh giá của người dạy dựa trên kết quả trình bày của nhóm và quy trình làm việc nhóm.

16.4 Bài luận

Mô tả phương pháp

Bài luận là một bài tóm lược ngắn có tính thực tế cao, nhằm diễn tả, sàng lọc, chứng minh hay phân tích một đề tài nào đó. Viết luận là một hình thức học dựa trên việc đọc và nghiên cứu tài liệu. Viết luận có khả năng thể hiện được quá trình học và tư duy của người học, từ đó kích thích nhu cầu học hỏi của người học.

Cách thức thực hiện

- Cung cấp cho người học danh sách các đề tài/vấn đề để người học lựa chọn với các yêu cầu cụ thể về bài luận.
- Hướng dẫn, cung cấp thông tin liên quan đến đề tài cho người học, ví dụ: nguồn thông tin tài liệu tham khảo, cách triển khai vấn đề, quy trình viết luận.
- Tạo cơ hội cho người học luyện tập những kỹ năng cần thiết cũng như bổ sung kiến thức để viết luận.

- Đánh giá, phản biện, nhận xét về bài luận.

Lợi ích của phương pháp

- Giúp người dạy biết được mức độ người học hiểu các nội dung lý thuyết giảng dạy trên lớp.
- Giúp người học phát triển một số kỹ năng bao gồm kỹ năng tóm tắt, so sánh, mô tả, thu thập dữ liệu, phân tích và đọc dữ liệu.

Cách thức đánh giá

Bài luận.

17. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

Quy định về kiểm tra đánh giá được thực hiện theo quy chế đào tạo trình độ Đại học của trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ.

Quy định về hình thức kiểm tra đánh giá: Mỗi học phần, sinh viên được đánh giá tối thiểu hai điểm thành phần, được đánh giá theo thang điểm 10.

- Giữa kỳ: 40%
- Cuối kỳ: 60%

Bảng 12. Tổng hợp các phương pháp kiểm tra - đánh giá

TT	Mã pp	Hình thức đánh giá	Tiếng Anh	Mô tả phương pháp đánh giá
1	AI	Đánh giá chuyên cần	Attendance Check	Ngoài thời gian tự học, sự tham gia thường xuyên của sinh viên cũng như những đóng góp của sinh viên vào các hoạt động trên lớp trong khóa học cũng phản ánh thái độ học tập của họ đối với khóa học.
2	A2	Đánh giá bài tập trên lớp	In-class participation	Người học được yêu cầu thực hiện một số nội dung liên quan đến hoạt động trong giờ học hoặc sau giờ học trên lớp. Các bài tập này có thể được thực hiện bởi cá nhân hoặc nhóm.
3	A3	Bài tập trên elearning	Elearning platform assignment	Người học được yêu cầu thực hiện một số bài tập hỗ trợ trên nền tảng elearning với các mốc thời gian cụ thể theo tuần.
4	A4	Đánh giá bài tiểu luận	Written essay/assignment	Sinh viên được đánh giá thông qua sản phẩm báo cáo của sinh viên, bao gồm cả nội dung trình bày trong báo cáo, cách thức trình bày thuyết minh, bản vẽ/hình ảnh trong báo cáo.

TT	Mã pp	Hình thức đánh giá	Tiếng Anh	Mô tả phương pháp đánh giá
5	A5	Đánh giá thuyết trình	Oral Presentation	Sinh viên được yêu cầu làm việc theo nhóm để giải quyết một vấn đề, tình huống hay nội dung liên quan đến bài học và trình bày kết quả của nhóm mình trước các nhóm khác. Hoạt động này không những giúp sinh viên đạt được những kiến thức chuyên ngành mà còn giúp sinh viên phát triển các kỹ năng như kỹ năng giao tiếp, thương lượng, làm việc nhóm.
6	A6	Kiểm tra trắc nghiệm	Multiple choice exam	Sinh viên được yêu cầu trả lời các câu hỏi liên quan dựa trên đáp án được thiết kế sẵn. Điểm khác là trong phương pháp đánh giá này sinh viên trả lời các câu hỏi yêu cầu dựa trên các gợi ý trả lời cũng được thiết kế và in sẵn trong đề thi.
7	A7	Kiểm tra tự luận	Essay	Sinh viên được yêu cầu trả lời một số câu hỏi, bài tập hay ý kiến cá nhân về những vấn đề liên quan đến yêu cầu chuẩn đầu về kiến thức của học phần và được đánh giá dựa trên đáp án được thiết kế sẵn. Thang điểm đánh giá được sử dụng trong phương pháp đánh giá này là thang 10. Số lượng câu hỏi trong bài đánh giá được thiết kế tùy thuộc vào yêu cầu nội dung kiến thức của học phần.
8	A8	Báo cáo thực tập	Intemship report	Sinh viên viết báo cáo tiến độ và nội dung công việc trong suốt khoảng thời gian thực tập để phản ánh công việc thực hiện và rút kinh nghiệm trong trải nghiệm học tập.
9	A9	Phiên Tòa giả định	Moot Court	Sinh viên được hóa thân vào các vai diễn. Chọn một vụ án có thật hoặc vụ án được xây dựng để minh họa cho kiến thức pháp luật đang được học. tìm hiểu kỹ về vụ án, luật pháp liên quan, và chuẩn bị các lập luận để tranh luận, bằng chứng, và câu hỏi để sử dụng trong phiên tòa.
10	A10	Đánh giá làm việc nhóm	Teamwork Assessment	Đánh giá làm việc nhóm được áp dụng khi triển khai hoạt động dạy học theo nhóm và được dùng để đánh giá kỹ năng làm việc nhóm của sinh viên.
11	A12	Đánh giá khóa luận tốt nghiệp	Graduation thesis	Khóa luận tốt nghiệp của sinh viên được đánh giá theo các tiêu chí cụ thể.

18. ĐIỀU KIỆN ĐỘI NGŨ

18.1 Danh sách đội ngũ giảng viên cơ hữu

Danh sách giảng viên cơ hữu ngành đào tạo Luật được thể hiện trong Bảng 13.

Bảng 13. Giảng viên cơ hữu ngành Luật

STT	Họ và tên	Học vị	Chức danh
1	Trần Minh Tạo	Tiến sĩ	Giảng viên hạng II
2	Lê Hồng Tuyên	Thạc sĩ	Giảng viên hạng III
3	Lý Thị Tú Uyên	Thạc sĩ	Giảng viên hạng III
4	Nguyễn Hoàng Viên	Thạc sĩ	Giảng viên hạng III
5	Nguyễn Thị Kiều Diễm	Thạc sĩ	Giảng viên hạng III
6	Nguyễn Thị Ngọc Anh	Thạc sĩ	Giảng viên hạng III
7	Nguyễn Văn Tổ Hữu	Thạc sĩ	Giảng viên hạng III
8	Trần Thị Như Tâm	Thạc sĩ	Giảng viên hạng III
9	Trần Văn Sĩ	Thạc sĩ	Giảng viên hạng III
10	Vũ Thị Lệ Thu	Thạc sĩ	Giảng viên hạng III
11	Trần Minh Tạo	Thạc sĩ	Giảng viên hạng III

18.2 Danh sách đội ngũ giảng viên thỉnh giảng

Danh sách giảng viên thỉnh giảng ngành Luật được thể hiện trong Bảng 14.

Bảng 14. Giảng viên thỉnh giảng ngành Luật

STT	Họ và tên	Chức danh khoa học
1	Đặng Hoàng Minh	Thạc sĩ
2	Huỳnh Văn Huyện	Thạc sĩ
3	Nguyễn Dương Anh Thắng	Thạc sĩ
4	Nguyễn Thị Cẩm Nhung	Thạc sĩ
5	Nguyễn Thu Hương	Thạc sĩ
6	Lê Ngọc Triết	Thạc sĩ

19. CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ PHỤC VỤ CHO CTĐT

19.1 Phòng học, giảng đường, trang thiết bị phục vụ giảng dạy

* Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy

TT	Loại phòng học	Số lượng	Diện tích (m2)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy		
				Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần
1	Phòng học	37	4.920	Âm thanh, màn hình, micro, bảng viết	37	Các học phần giảng dạy lý thuyết
2	Giảng đường	03	659	Âm thanh, máy chiếu, micro, bảng viết	03	Các học phần giảng dạy lý thuyết

3	Hội trường	03	1.180	Âm thanh, máy chiếu, micro, bảng viết	03	Các học phần giảng dạy lý thuyết
4	Phòng máy tính và phòng thí nghiệm	32	3.336	Máy tính	300	Các học phần thực hành

*** Thư viện**

Diện tích thư viện: 1.445 m²

Diện tích phòng đọc: 524 m²

Số chỗ ngồi: 200

Số lượng máy tính phục vụ tra cứu: 50

Phần mềm quản lý thư viện: Có

Thư viện điện tử: <http://thuvienso.ctuet.edu.vn>

Số lượng sách, giáo trình điện tử: 5.761 đầu sách, 17.108 quyển.

19.2 Học liệu và nguồn tài liệu học tập

19.2.1 Học liệu chính

TT	Tên học phần	Học liệu chính
1	Anh văn căn bản 1	Hughes, J., Stephenson, H. & Dummett, P. (2016), <i>Life A1-A2, VietNam Edition</i> , Cengage Learning
2	Anh văn căn bản 2	Hughes, J., Stephenson, H. & Dummett, P. (2016), <i>Life A1-A2, VietNam Edition</i> , Cengage Learning
3	Anh văn căn bản 3	Hughes, J., Stephenson, H. & Dummett, P. (2016), <i>Life A1-A2, VietNam Edition</i> , Cengage Learning
4	Triết học Mác – Lênin	Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), Giáo trình Triết học Mác – Lênin (dành cho bậc đại học – không chuyên LLCT), NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
5	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lênin (dành cho bậc đại học – không chuyên LLCT), NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
6	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học (dành cho bậc đại học – không chuyên LLCT), NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
7	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh (dành cho bậc đại học – không chuyên LLCT), NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

TT	Tên học phần	Học liệu chính
8	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), Giáo trình Lịch sử đảng cộng sản Việt Nam (dành cho bậc đại học – không chuyên LLCT), NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
9	Đổi mới sáng tạo khởi nghiệp	Lê Nguyễn Đoàn Khôi (2018). Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp. Nhà xuất bản Đại học Cần Thơ.
10	Logic học đại cương	Nguyễn Thúy Vân, Nguyễn Anh Tuấn, Giáo trình Logic học đại cương, 2024, Nhà xuất bản Đại học quốc gia Hà Nội
11	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Phạm Ngọc Trung Giáo Trình Cơ Sở Văn Hóa Việt Nam, 2013, Nxb Hà nội
12	Kỹ năng giao tiếp	Nguyễn Văn Hùng , Giáo Trình Kỹ Năng Giao Tiếp, 2022, Nxb Tài chính
13	Tiếng Việt thực hành	Nguyễn Đức Dân , Giáo trình Tiếng Việt thực hành, 2012, NXB Đại Học Quốc Gia
14	Tâm lý học đại cương	Trường Đại học Luật Hà nội, Giáo trình Tâm lý học đại cương, NXB Công an nhân dân, 2020
15	GDQP&AN 1: Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng cộng sản Việt Nam*	Giáo trình Giáo dục quốc phòng do Bộ Giáo Dục và Đào tạo ban hành.
16	GDQP&AN 2: Công tác quốc phòng và an ninh*	Giáo trình Giáo dục quốc phòng do Bộ Giáo Dục và Đào tạo ban hành.
17	GDQP&AN 3: Quân sự chung*	Giáo trình Giáo dục quốc phòng do Bộ Giáo Dục và Đào tạo ban hành.
18	GDQP&AN 4: Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật*	Giáo trình Giáo dục quốc phòng do Bộ Giáo Dục và Đào tạo ban hành.
19	Giáo dục thể chất 1 (*): Bóng chuyền	Lê Quang Anh 2009, Bài giảng bóng chuyền Ủy ban TDTT, 2011, Luật bóng chuyền, Nxb TDTT. Đinh Lâm, Nguyễn Bính, 1997, Huấn luyện bóng chuyền, Nxb Thể dục Thể thao.
20	Giáo dục thể chất 2 (*): Bóng chuyền	Lê Quang Anh 2009, Bài giảng bóng chuyền Ủy ban TDTT, 2011, Luật bóng chuyền, Nxb TDTT. Đinh Lâm, Nguyễn Bính, 1997, Huấn luyện bóng chuyền, Nxb Thể dục Thể thao.
21	Giáo dục thể chất 3 (*): Bóng chuyền	Lê Quang Anh 2009, Bài giảng bóng chuyền Ủy ban TDTT, 2011, Luật bóng chuyền, Nxb TDTT. Đinh Lâm, Nguyễn Bính, 1997, Huấn luyện bóng chuyền, Nxb Thể dục Thể thao.

TT	Tên học phần	Học liệu chính
22	Giáo dục thể chất 1 (*): Cờ vua	Đàm Quốc Chính (2004), Giáo trình môn cờ vua, NXB ĐHSP Hà Nội. Đặng Thị Kim Quyên (2010), Giáo trình môn cờ vua, NXB ĐHCT. Ủy ban Thể dục Thể thao (2005), Luật cờ vua, NXB TDTT Hà Nội.
23	Giáo dục thể chất 2 (*): Cờ vua	Đàm Quốc Chính (2004), Giáo trình môn cờ vua, NXB ĐHSP Hà Nội. Đặng Thị Kim Quyên (2010), Giáo trình môn cờ vua, NXB ĐHCT. Ủy ban Thể dục Thể thao (2005), Luật cờ vua, NXB TDTT Hà Nội.
24	Giáo dục thể chất 3 (*): Cờ vua	Đàm Quốc Chính (2004), Giáo trình môn cờ vua, NXB ĐHSP Hà Nội. Đặng Thị Kim Quyên (2010), Giáo trình môn cờ vua, NXB ĐHCT. Ủy ban Thể dục Thể thao (2005), Luật cờ vua, NXB TDTT Hà Nội.
25	Giáo dục thể chất 1 (*): TAEKWONDO	Giáo trình Taekwondo/Nguyễn Văn Hòa, Đào Vũ Nguyên, 2020-2021. Căn bản Taekwondo/Hồ Hoàng Khánh. - Thành phố Hồ Chí Minh : Thể dục thể thao, 1997. Giáo trình giảng dạy kỹ thuật Taekwondo: (Dùng cho sinh viên Đại học Cần Thơ)/Đào Xen. - Cần Thơ: Trường Đại học Cần Thơ, 2009.
26	Giáo dục thể chất 2 (*): TAEKWONDO	Giáo trình Taekwondo/Nguyễn Văn Hòa, Đào Vũ Nguyên, 2020-2021. Căn bản Taekwondo/Hồ Hoàng Khánh. - Thành phố Hồ Chí Minh : Thể dục thể thao, 1997. Giáo trình giảng dạy kỹ thuật Taekwondo: (Dùng cho sinh viên Đại học Cần Thơ)/Đào Xen. - Cần Thơ: Trường Đại học Cần Thơ, 2009.
27	Giáo dục thể chất 3 (*): TAEKWONDO	Giáo trình Taekwondo/Nguyễn Văn Hòa, Đào Vũ Nguyên, 2020-2021. Căn bản Taekwondo/Hồ Hoàng Khánh. - Thành phố Hồ Chí Minh : Thể dục thể thao, 1997. Giáo trình giảng dạy kỹ thuật Taekwondo: (Dùng cho sinh viên Đại học Cần Thơ)/Đào Xen. - Cần Thơ: Trường Đại học Cần Thơ, 2009.

TT	Tên học phần	Học liệu chính
28	Tin học căn bản	Nguyễn Hoàng Thuận, Trương Minh Nhật Quang (2019). Giáo trình Tin học Căn bản. Nhà xuất bản Đại học Cần Thơ
29	Văn bản và lưu trữ đại cương	Vương Đình Quyền, Nguyễn Văn Hàm (1997). Văn bản và lưu trữ học đại cương. Nhà xuất bản Giáo dục
30	Lý luận nhà nước và pháp luật	Luật Sửa đổi, Bổ sung một số điều của Luật Ban hành Văn bản quy phạm pháp luật số 63/2020/QH14; Trường Đại học luật Hà Nội, <i>Giáo trình Lý luận chung về nhà nước và pháp luật (Tái bản lần thứ năm)</i> , NXBTư pháp, Hà Nội, (2021).
31	Pháp luật chủ thể kinh doanh	Luật Doanh nghiệp 2020 số 59/2020/QH14; Luật Hợp Tác Xã 2012 số 23/2012/QH13; Luật Phá Sản số 51/2014/QH13 Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh, <i>Giáo trình Pháp Luật về Chủ Thể Kinh Doanh (Tái bản lần 1, có sửa đổi bổ sung)</i> , Nhà xuất bản Hồng Đức, 2021.
32	Luật Dân sự 1	Bộ luật Dân sự năm 2015, số 91/2015/QH13; Trường Đại học luật Hà Nội, <i>Giáo trình luật dân sự Việt Nam tập II</i> , NXB Công an nhân dân, Hà Nội, (2020).
33	Luật Hành chính	Luật Xử phạt Vi phạm hành chính số 15/2012/QH13; Luật Sửa đổi, Bổ sung một số điều của Luật Ban hành Văn bản quy phạm pháp luật số 63/2020/QH14; Trường Đại học luật Hà Nội, <i>Giáo Trình Luật Hành Chính Việt Nam</i> , NXB Công an nhân dân, Hà Nội, (2021).
34	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Phan Trung Hiền (2018), <i>Để hoàn thành tốt luận văn ngành luật</i> , Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
35	Luật Thương mại điện tử	Nguyễn Việt Khôi (2020), <i>Giáo trình thương mại điện tử</i> , Nhà xuất bản Đại học quốc gia Hà Nội.
36	Luật So sánh	Trường đại học Luật Hà Nội (2022), <i>Giáo trình Luật So sánh</i> , Nhà xuất bản Tư pháp.
37	Luật Ngân hàng	Luật Các tổ chức tín dụng 2010; Luật số 17/2017/QH14 Luật sửa đổi Luật các tổ chức tín dụng 2017; Luật Ngân hàng nhà nước 2010. Trường Đại học luật Hà Nội, <i>Giáo trình Luật Ngân Hàng (Tái bản lần thứ năm)</i> , NXB Tư pháp, Hà Nội, (2021)
38	Pháp Luật Hộ tịch	Luật hộ tịch (hiện hành) Nghị quyết số 123/2015/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Luật Hộ tịch.

TT	Tên học phần	Học liệu chính
		Luật Nuôi con nuôi (hiện hành) TS. Nguyễn Công Khanh, <i>Hộ tịch - Cẩm nang nghiệp vụ</i> , Nhà xuất bản Tư Pháp (2020)
39	Luật Thương mại quốc tế	Trường Đại Học Luật Hà Nội (2021), Luật thương mại quốc tế, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia.
40	Công pháp quốc tế	Trường Đại học Luật Hà Nội (2019), <i>Giáo trình Luật Quốc tế</i> , Nhà xuất bản Công an Nhân dân, Hà Nội.
41	Pháp luật về Sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ	Luật 07/2022/QH15 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16 tháng 6 năm 2022. 2. Lê Thị Nguyệt Châu, Nguyễn Phan Khôi, Nguyễn Thị Ngọc Tuyên (2018), <i>Giáo trình Pháp luật về sở hữu trí tuệ</i> , Nhà xuất bản Đại học Cần Thơ
42	Anh văn chuyên ngành Luật	Jeremy Day, <i>Introduction to International Legal English</i> , Cambridge, 2008
43	Lịch sử các học thuyết pháp lý	Đinh Văn Mậu, Phạm Hồng Thái (1997), <i>Lịch sử các học thuyết chính trị - pháp lý</i> , Nhà xuất bản thành phố Hồ Chí Minh.
44	Luật hiến pháp	Thái Vĩnh Thắng, Tô Văn Hòa (2019), <i>Giáo trình Luật Hiến pháp Việt Nam</i> , Nhà xuất bản Tư pháp, Hà Nội. Hiến pháp năm 2013.
45	Luật lao động	Trần Hoàng Hải (2022), <i>Giáo trình Luật Lao động</i> , Nhà xuất bản Hồng Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Bộ luật Lao động năm 2019.
46	Luật thương mại	Nguyễn Việt Tý, Nguyễn Thị Dung (2021), <i>Giáo trình Luật thương mại Việt Nam - Tập 1, 2</i> , Nhà xuất bản Tư pháp, Hà Nội. Luật Thương mại năm 2005, sửa đổi bổ sung năm 2017, 2019.
47	Luật môi trường	Lê Hồng Hạnh, Vũ Thu Hạnh (2021), <i>Giáo trình Luật Môi trường</i> , Nhà xuất bản Công an nhân dân, Hà Nội. Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.
48	Tư pháp quốc tế	Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh (2013), <i>Giáo trình tư pháp quốc tế (phần chung)</i> , Nhà xuất bản Hồng Đức, thành phố Hồ Chí Minh Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh (2013), <i>Giáo trình tư pháp quốc tế (phần riêng)</i> , Nhà xuất bản Hồng Đức, thành phố Hồ Chí Minh.
49	Pháp luật về kinh doanh bảo hiểm	Bùi Thị Hằng Nga, Bạch Thị Nhã Nam (2020), <i>Pháp luật kinh doanh bảo hiểm Việt Nam</i> , Nhà xuất bản ĐHQG Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh. Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2022.
50	Thực hành nghề luật	Đoàn Đức Lương (2015), <i>Giáo trình thực hành nghề nghiệp</i> , Nhà xuất bản Đại học Huế.

TT	Tên học phần	Học liệu chính
51	Pháp luật về an sinh xã hội	Lê Thị Hoài Thu (2019), Giáo trình Pháp luật an sinh xã hội, Nhà xuất bản ĐHQG Hà Nội, Hà Nội. Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014.
52	Tâm lý học tư pháp	Trường Đại học luật Hà Nội (2006), <i>Giáo trình tâm lý học tư pháp</i> , Nhà xuất bản Công an nhân dân, Hà Nội.
53	Tổ tụng dân sự	Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh (2015), <i>Giáo trình Luật Tổ tụng dân sự Việt Nam</i> , Nhà xuất bản Hồng Đức.
54	Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng	Trường Đại học Luật Hà Nội (2013), <i>Giáo trình luật dân sự Việt Nam</i> , tập 1, 2, Nhà xuất bản Công an nhân dân, Hà Nội. Nguyễn Thị Dung (2013), <i>Kiến thức pháp lý và kỹ năng cơ bản trong đàm phán, soạn thảo và ký kết hợp đồng thương mại</i> , Nhà xuất bản Chính trị-Hành chính, Hà Nội.
55	Luật hình sự quốc tế	Nguyễn Thị Phương Hoa (2014), <i>Luật hình sự quốc tế với việc đảm bảo quyền con người</i> , Nhà xuất bản Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Hồ Chí Minh
56	Pháp luật về trọng tài thương mại	Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh (2015), <i>Giáo trình Pháp luật Trọng tài thương mại</i> , Nhà xuất bản Hồng Đức
57	Nghiệp vụ tòa án	Đỗ Minh Khôi, Huỳnh Thị Sinh Hiền, Phạm Thị Phương Thảo (2021), <i>Một số nghiên cứu hiện đại về tòa án</i> , Nhà xuất bản Chính trị quốc gia sự thật.
58	Pháp luật về phòng, chống tham nhũng	Bộ Giáo dục và Đào tạo (2014), <i>Tài liệu giảng dạy về phòng, chống tham nhũng dùng cho các trường đại học, cao đẳng chuyên về Luật (Phê duyệt kèm theo Quyết định số 3470/QĐ-BGDĐT)</i> , Hà Nội.
59	Luật Dân sự 2	Trường Đại học luật Hà Nội, <i>Giáo trình luật dân sự Việt Nam tập II</i> , NXB Công an nhân dân, Hà Nội, 2020.
60	Luật Hôn nhân và gia đình	Trường Đại học Luật Hà Nội (2016). <i>Giáo trình luật hôn nhân và gia đình</i> , Nhà xuất bản Công an Nhân dân.
61	Luật đất đai	Doãn Hồng Nhung (2020), <i>Giáo trình Luật đất đai</i> , Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội
62	Luật tố tụng dân sự	Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh (2015), <i>Giáo trình Luật Tổ tụng dân sự Việt Nam</i> , NXB Hồng Đức, Hà Nội
63	Pháp luật về quy hoạch và giải phóng mặt bằng	Phan Trung Hiền (Chủ biên), Châu Hoàng Thân, Trần Vang Phú, <i>Giáo trình pháp luật về quy hoạch và giải phóng mặt bằng</i> , NXB Chính trị Quốc gia sự

TT	Tên học phần	Học liệu chính
		Nam, 2021.
74	Pháp luật về kinh doanh bất động sản	Luật Kinh doanh bất động sản năm 2014 Lưu Quốc Thái, Pháp luật kinh doanh bất động sản, Nxb Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, 2018.
75	Luật tố tụng hình sự	Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự năm 2021 Trường Đại học Luật Hà Nội (2020), <i>Giáo trình luật tố tụng hình sự Việt Nam</i> , Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
76	Luật Đấu thầu	Luật Đấu thầu năm 2013 sửa đổi, bổ sung năm 2016, 2017, 2019. Đinh Đào Ánh Thủy (2018), <i>Giáo trình Đấu thầu</i> , Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc Dân, Tp. Hồ Chí Minh.
77	Phương pháp nghiên cứu khoa học Luật	Phan Trung Hiền (2022), <i>Để hoàn thành tốt luận văn ngành luật</i> , Nhà xuất bản Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.
78	Luật Tài chính Nhà nước	Luật Ngân sách nhà nước Số: 06/VBHN-VPQH, ngày 15 tháng 7 năm 2020. Trường Đại học Luật Hà Nội (2019), <i>Giáo trình Luật Ngân sách Nhà nước</i> , Nhà xuất bản Công an nhân dân, Hà Nội.
79	Luật chứng khoán	Luật Ngân sách nhà nước Số: 06/VBHN-VPQH, ngày 15 tháng 7 năm 2020. Trường Đại học Luật Hà Nội (2019), <i>Giáo trình Luật Ngân sách Nhà nước</i> , Nhà xuất bản Công an nhân dân, Hà Nội.
80	Đạo đức nghề luật	Luật Luật sư số 03/VBHN-VPQH ngày 31 tháng 12 năm 2015. Luật Tổ chức Tòa án nhân dân 62/2014/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2014 Bộ Quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp luật sư Việt Nam, ban hành kèm theo Quyết định số 201/QĐ-HĐLSTQ ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng luật sư toàn quốc. Bộ Quy tắc đạo đức và ứng xử của Thẩm phán, ban hành kèm theo Quyết định số 87/QĐ-HĐTC ngày 04 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng tuyển chọn, giám sát Thẩm phán quốc gia. Bạch Thị Nhã Nam, Nguyễn Thế Đức Tâm (2019), <i>Sách tham khảo Đạo đức nghề luật</i> , Nhà xuất bản Đại học quốc gia Tp.HCM.
81	Kỹ năng tư vấn pháp luật	Trường Đại học luật Hà Nội (2022), <i>Giáo trình Kỹ năng chung về tư vấn pháp luật</i> , Nhà xuất bản Tư pháp, Hà Nội.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

TT	Tên học phần	Học liệu chính
		Luật Thương mại số 17/VBHN-VPQH ngày 05 tháng 7 năm 2019. Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020. Bộ luật Lao động số 45/2019/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2019. Luật Quản lý Thuế số 38/2019/QH14 ngày 13 tháng 6 năm 2019. Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010. Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 sửa đổi, bổ sung năm 2020.
82	Pháp luật về Sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ	Luật 07/2022/QH15 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16 tháng 6 năm 2022. Lê Thị Nguyệt Châu, Nguyễn Phan Khôi, Nguyễn Thị Ngọc Tuyên (2018), <i>Giáo trình Pháp luật về sở hữu trí tuệ</i>, Nhà xuất bản Đại học Cần Thơ.

19.2.2 Học liệu tham khảo

STT	Tên học phần	Học liệu tham khảo
1	Anh văn căn bản 1	Lougheed, L. (2008), <i>600 Essential Words for the Toeic</i>, Barron's Educational Series. Lougheed, L. (2007), <i>Longman Preparation Series for the New TOEIC Test</i>, Pearson Education, Inc. Taylor, A. & Malarcher, C. (2006), <i>Starter Toeic</i>, Compass Publishing
2	Anh văn căn bản 2	Hughes, J., Stephenson, H. & Dummett, P. (2016), <i>Life A1-A2, VietNam Edition</i>, Cengage Learning. Lougheed, L. (2008), <i>600 Essential Words for the Toeic</i>, Barron's Educational Series. Lougheed, L. (2007), <i>Longman Preparation Series for the New TOEIC Test</i>, Pearson Education, Inc. Taylor, A. & Malarcher, C. (2006), <i>Starter Toeic</i>, Compass Publishing
3	Anh văn căn bản 3	Lougheed, L. (2008), <i>600 Essential Words for the Toeic</i>, Barron's Educational Series. Lougheed, L. (2007), <i>Longman Preparation Series for the New TOEIC Test</i>, Pearson Education, Inc.

STT	Tên học phần	Học liệu tham khảo
		Taylor, A. & Malarcher, C. (2006), Starter Toeic, Compass Publishing
4	Triết học Mác – Lênin	Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia, Giáo trình Triết học Mác – Lênin (Tái bản có sửa chữa, bổ sung), NXB Chính trị Quốc gia. Trần Văn Phòng, Hỏi đáp môn triết học Mác Lê Nin, NXB ĐHQG Hà Nội.
5	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	TS. Chữ Văn Lâm, Sở hữu tập thể & KT tập thể trong nền KT thị trường XHCN ở VN, NXB Chính trị quốc gia. GS-TS. Nguyễn Thanh Tuyền, Sở hữu tư nhân & KT tư nhân trong nền KT thị trường XHCN ở VN, NXB Chính trị quốc gia. PGS-TS. Hà Huy Thành, Thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam, NXB Chính trị quốc gia.
6	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Đỗ Nguyên Phương, Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học, NXB Chính trị Quốc gia.
7	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Hội đồng trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh, NXB Chính trị quốc gia. Một số chuyên đề về Tư tưởng Hồ Chí Minh, NXB Lý luận chính trị. GS-TS Hoàng Chí Bảo, Văn hóa và con người VN trong tiến trình CNH, HDH theo TT HCM, NXB Chính trị quốc gia. PGS-TS. Bùi Đình Phong, Vận dụng và phát triển TT HCM về XD Đảng trong thời kỳ đổi mới, Tư tưởng và Tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh về Sửa đổi lối làm việc, thực hành tiết kiệm, chống tham ô lãng phí, quan liêu, NXB Chính trị Quốc gia. Hồ Chí Minh - Một huyền thoại kỳ vĩ, NXB Lao động.
8	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Đảng lãnh đạo xây dựng nền KT thị trường định hướng XHCN ở VN, NXB Lý luận chính trị. Văn kiện Đảng toàn tập (Tập 1-54) NXB Chính trị quốc gia.
9	Đổi mới sáng tạo khởi nghiệp	Nguyễn Dương Hiếu, Trịnh Hoàng Kim Phụng và Đặng Nguyễn Hiếu Trung (bản dịch) (2013). Khởi nghiệp tinh gọn. Nhà xuất bản Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh Trần Ánh Phương, Lê Ba Phong (2019). Giảng dạy khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo trong bối cảnh xây dựng các “đại học khởi nghiệp. Tạp chí Khoa học và Công nghệ. Bùi Nhật Quang (2017). Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo ở Việt Nam trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam.

STT	Tên học phần	Học liệu tham khảo
10	Logic học đại cương	Nguyễn Thúy Vân, Logic Học Đại Cương, NXB Đại Học Quốc Gia 2020
11	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Trần Ngọc Thêm, Nhà Xuất Bản Đại học Quốc gia Hồ Chí Minh
12	Giáo Trình Kỹ Năng Giao Tiếp	TS. Nguyễn Văn Hùng - TS. Hoàng Văn Phúc - ThS. Lê Viết Lâm, Nhà xuất bản Tài Chính, 2022
13	Giáo trình Tiếng Việt và Tiếng Việt thực hành	Lã Thị Bắc Lý, Phan Thị Hồng Xuân, Nguyễn Thi Thu Nga , NXB Đại học Sư Phạm, 2013
14	Giáo trình Tâm lý học đại cương	Trường đại học Luật Hà Nội, NXB Chính trị Quốc gia Sự Thật, 2021
15	Tin học căn bản	Nguyễn Hoàng Thuận, Huỳnh Văn Bé, Hà Lê Ngọc Dung, Phạm Yên Nhi & Đặng Thị Hồng Nhung (2017). Giáo trình Tin học Căn bản Quyển 2: Nhập môn Xử lý thông tin. Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ (lưu hành nội bộ) Trương Minh Nhật Quang, Lê Anh Tuấn, Nguyễn Xuân Hà Giang & Lâm Thanh Toàn (2019). Giáo trình Tin học Căn bản Quyển 2: Nhập môn Công nghệ thông tin. Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ (lưu hành nội bộ)
16	Văn bản và lưu trữ đại cương	Nguyễn Văn Thâm, Soạn thảo và xử lý văn bản quản lý Nhà nước, NXB Chính trị Quốc gia, HN, 1999. Nguyễn Văn Thâm, Lưu Kiếm Thanh, Lê Xuân Lam, Bùi Xuân Lự, Hướng dẫn kỹ thuật nghiệp vụ hành chính, NXB Thống kê, HN, 2003. Vương Đình Quyền, Nguyễn Văn Hàm, Văn bản và lưu trữ học đại cương, NXB Giáo dục, 1996.
17	Lý luận nhà nước và pháp luật	Vũ Trọng Lâm (2020), Giáo trình lý luận chung về Nhà nước và Pháp luật, Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội. Phan Trung Hiền (2017), Những nội dung cơ bản của môn học lý luận về Nhà nước và Pháp luật, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội. Nguyễn Minh Đoan (2020), <i>Giáo trình lý luận về nhà nước và pháp luật</i> , Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
18	Pháp luật chủ thể	Bùi Xuân Hải (2021), <i>Giáo trình Pháp luật về chủ thể</i>

STT	Tên học phần	Học liệu tham khảo
	kinh doanh	<i>kinh doanh</i> , Nhà xuất bản Hồng Đức, Hà Nội. Đình Công Tráng (2017), <i>Giáo trình Luật về Chủ thể kinh doanh</i> , Nhà xuất bản Đại học Công nghiệp, Thành phố Hồ Chí Minh. Phạm Duy Nghĩa (2015), <i>Luật kinh tế</i> , Nhà xuất bản Công an nhân dân, Hà Nội
19	Luật Dân sự 1	Nguyễn Ngọc Điện, <i>Giáo trình luật Dân sự phần 2</i> , NXB Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Hồ Chí Minh, (2019). Nguyễn Minh Tuấn (Chủ biên), <i>Bình luận khoa học Bộ luật Dân sự của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam năm 2015</i> , NXB Tư pháp, (2016). Trường Đại học Luật Thành Phố Hồ Chí Minh (2019), <i>Giáo trình Những quy định chung về Luật Dân sự (Tái bản lần 1, có sửa đổi, bổ sung)</i> , Nhà xuất bản Hồng Đức, Hà Nội. Trường Đại học Luật Thành Phố Hồ Chí Minh (2021), <i>Giáo trình Pháp luật về Tài sản, Quyền Sở hữu và Thừa kế (Tái bản lần 1, có sửa đổi, bổ sung)</i> , Nhà xuất bản Hồng Đức, Hà Nội. Đỗ Văn Đại, <i>Bình Luận Khoa học Những Điểm Mới Của Bộ Luật Dân Sự Năm 2015(2020)</i> , Nhà xuất bản Hồng Đức, Hà Nội.
20	Luật Hành chính	Nguyễn Cửu Việt (2014), <i>Luật hành chính Việt Nam</i> , Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Hồng Đức - Hội luật gia Việt Nam. Phan Trung Hiền (2018), <i>Giáo trình Luật hành chính Việt Nam - Phần 1, 2</i> , Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội. Nguyễn Cảnh Hợp, <i>Bình Luận Khoa học Luật Xử Lý Vi Phạm Hành Chính năm 2012</i> , NXB Hồng Đức – Hội Luật Gia Việt Nam
21	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Nguyễn Tuấn Anh, Bùi mạnh Hùng, Lê Thị Minh Phương (2021), <i>Phương pháp nghiên cứu khoa học</i> , Nhà xuất bản Xây Dựng Phan Trung Hiền (2017), <i>Những nội dung cơ bản của môn học lý luận về Nhà nước và Pháp luật</i> , Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội Nguyễn Minh Đoan (2020), <i>Giáo trình lý luận về nhà nước và pháp luật</i> , Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội

STT	Tên học phần	Học liệu tham khảo
22	Luật Thương mại điện tử	Trần Thị Thập – Nguyễn Trần Hưng (2020), <i>Thương mại điện tử căn bản</i> , Nhà xuất bản Thông Tin và Truyền Thông. Nguyễn Văn Hùng (2019), <i>Giáo trình thương mại điện tử</i> , Nhà xuất bản Tài Chính.
23	Luật So sánh	Nguyễn Thị Ánh Vân (2022), <i>Giáo trình Luật so sánh</i> , Nhà xuất bản Tư Pháp. Nguyễn Quốc Hoàn (2019), <i>Giáo trình Luật so sánh</i> , Nhà xuất bản Công an nhân dân, Hà Nội. Võ Khánh Vinh (2012), <i>Giáo trình luật học so sánh</i> , Công an nhân dân, Hà Nội.
24	Luật Ngân hàng	Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh, <i>Giáo trình Luật Ngân hàng (tái bản lần thứ 3)</i> , Nhà Xuất bản Hồng Đức (2022). Trường Đại Học Luật Thành Phố Hồ Chí Minh, <i>Giáo trình Luật Ngân hàng (tái bản lần thứ 3)</i>
25	Pháp luật hộ tịch	Nguyễn Hữu Lạc (2017), <i>Quản lý nhà nước hộ tịch: sách hướng dẫn học tập</i> , Nhà xuất bản Đại học Cần Thơ. Phan Trung Hiền (2020), <i>Giáo trình luật hành chính Việt Nam - Phần 2 phương thức quản lý nhà nước</i> , Nhà xuất bản Chính Trị Quốc gia sự thật.
26	Luật Thương mại quốc tế	Nguyễn Văn Tiến (2021), <i>Giáo trình quản trị rủi ro ngoại hối trong kinh doanh quốc tế</i> , Nhà xuất bản Đại học kinh tế quốc dân. Trần Văn Nam (2019), <i>Bài giảng pháp luật kinh doanh quốc tế</i> , Nhà xuất bản Đại học kinh tế quốc dân.
27	Công pháp quốc tế	Trần Thị Thùy Dương (2013), <i>Giáo trình Công pháp quốc tế</i> , Nhà xuất bản Hồng Đức, Hà Nội. Nguyễn Hồng Thao (1997), <i>Những điều cần biết về luật biển</i> . Nhà xuất bản Công an nhân dân, Hà Nội.
28	Luật Thuế	Trường Đại học kinh tế quốc dân (2020), <i>Giáo trình Thuế</i> , Nhà xuất bản Đại học kinh tế quốc dân, Hà Nội. Thiên Ân, Quyết Thắng (2018), <i>Chỉ dẫn pháp luật về một số lĩnh vực thuế</i> , Nhà xuất bản Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội. Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh (2016), <i>Giáo trình Luật thuế</i> , Nhà xuất bản Hồng Đức, Tp. Hồ Chí Minh.
29	Pháp luật về Sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ	Phùng Trung Tập (2021), <i>Quyền sở hữu trí tuệ, bảo vệ và chuyển giao</i> , Nhà xuất bản Công an nhân dân, Hà Nội
30	Anh văn chuyên	William R MC.Kay & Helen E Charlton, <i>How to</i>

STT	Tên học phần	Học liệu tham khảo
	ngành Luật	Understand and Master the Language of Law, Pearson Education, 2005
31	Lịch sử các học thuyết pháp lý	Nguyễn Đăng Dung (2020), Lịch sử các học thuyết chính trị, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội. Hoàng Thị Kim Quế (2016), Lịch sử tư tưởng chính trị - pháp lý, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
32	Luật hiến pháp	Vũ Văn Nhiệm (2016), Bình luận khoa học các điều của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013, Nhà xuất bản Hồng Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Phan Trung Lý, Nguyễn Văn Phúc, Nguyễn Sĩ Dũng (2012), Một số vấn đề cơ bản của Hiến pháp các nước trên thế giới, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội. Văn phòng Quốc hội (2009), Tuyển tập Hiến pháp một số nước trên thế giới, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (năm 2013 - 1992 - 1980 - 1959 - 1946) (2015), Nhà xuất bản Lao động, Hà Nội.
33	Luật lao động	Nguyễn Hữu Trí, Trần Thị Thúy Lâm (2021), Giáo trình Luật Lao động Việt Nam - Tập 1, 2, Nhà xuất bản Công an nhân dân, Hà Nội. Đoàn Thị Phương Diệp (2020), Giáo trình Luật Lao động, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.
34	Luật thương mại	Phan Huy Hồng (2017), Giáo trình pháp luật về thương mại hàng hóa và dịch vụ, Nhà xuất bản Hồng Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Bùi Ngọc Cường (2010), Giáo trình Luật thương mại Việt Nam, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội.
35	Luật môi trường	Vũ Thu Hạnh, Lê Kim Nguyệt (2021), Giáo trình Luật Môi trường, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội. Nguyễn Thị Thanh Thủy (2017), Bài giảng Luật Môi trường, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.
36	Tư pháp quốc tế	Trường Đại học Luật Hà Nội (2007), Giáo trình Tư pháp quốc tế. Nhà xuất bản Tư pháp, Hà Nội. Đỗ Văn Đại (2016), Bình luận khoa học những điểm mới của Bộ luật dân sự 2015, Nhà xuất bản Hồng Đức, Hà Nội.
37	Lý luận và pháp luật về quyền con người	Nguyễn Đăng Dung, Vũ Công Giao, Lã Khánh Tùng (2012), Hỏi đáp về quyền con người, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội. Hoàng Văn Hào, Chu Hồng Thanh (1998), Các văn kiện quốc tế về quyền con người, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.

STT	Tên học phần	Học liệu tham khảo
38	Pháp luật về kinh doanh bảo hiểm	Bùi Thị Hằng Nga, Bạch Thị Nhã Nam (2020), <i>Pháp luật kinh doanh bảo hiểm Việt Nam - Bài tập và tình huống</i> , Nhà xuất bản ĐHQG Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngô Văn Hiền, Hoàng Thị Giang (2017), <i>Giáo trình pháp luật bảo hiểm</i> , Nhà xuất bản Tài chính, Hà Nội. Võ Thị Pha (2010), <i>Giáo trình lý thuyết bảo hiểm</i> , Nhà xuất bản Tài chính, Hà Nội.
39	Thực hành nghề luật	Lê Thị Châu (2014), <i>Giáo trình giáo dục thực hành pháp luật</i> , Nhà xuất bản Lao động, Hà Nội.
40	Pháp luật về an sinh xã hội	Ngô Văn Hiền, Hoàng Thị Giang (2017), <i>Giáo trình pháp luật bảo hiểm</i> , Nhà xuất bản Tài chính, Hà Nội. Nguyễn Thị Kim Phụng (2013), <i>Giáo trình luật an sinh xã hội</i> , Nhà xuất bản Công an nhân dân, Hà Nội. Trần Hoàng Hải, Lê Thị Thúy Hương (2011), <i>Pháp luật an sinh xã hội: kinh nghiệm của một số nước đối với Việt Nam</i> , Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.
41	Tâm lý học tư pháp	Viện đại học mở Hà Nội (2014), <i>Giáo trình tâm lý học tư pháp</i> , Nhà xuất bản Tư pháp, Hà Nội. Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh (2012), <i>Giáo trình Tội phạm học</i> , Nhà xuất bản Hồng Đức.
42	Tổ tụng dân sự	Đỗ Văn Đại (2010), <i>Tuyển tập các bản án, quyết định của Tòa án Việt Nam về quyền sử dụng đất</i> , Nhà xuất bản Lao Động, Hà Nội. Nguyễn Ngọc Duy (2013), <i>Kỹ năng nghiên cứu hồ sơ vụ án dân sự và chỉ dẫn áp dụng pháp luật tổ tụng dân sự</i> , Nhà xuất bản Văn Hóa - Thông Tin, Hà Nội.
43	Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng	Trường Đại học Luật Hà Nội (2012), <i>Giáo trình một số hợp đồng đặc thù trong lĩnh vực thương mại và kỹ năng đàm phán soạn thảo</i> , Nhà xuất bản Công an nhân dân, Hà Nội.
44	Luật hình sự quốc tế	Nguyễn Ngọc Chí, <i>Những vấn đề lý luận, thực tiễn về luật hình sự quốc tế</i> , Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội Nguyễn Thị Thuận (2007), <i>Luật hình sự quốc tế</i> , Nhà xuất bản Công an nhân dân, Hà Nội.
45	Pháp luật về trọng tài thương mại	Trần Minh Ngọc (2019), <i>Giáo trình Luật Trọng tài thương mại</i> , Nhà xuất bản Lao động. Đỗ Văn Đại (2010), <i>Tuyển tập các bản án, quyết định của Tòa án Việt Nam về trọng tài thương mại</i> , Nhà xuất bản Lao động, Hà Nội.

STT	Tên học phần	Học liệu tham khảo
46	Nghiệp vụ tòa án	Nguyễn Ngọc Điệp (2018), <i>230 biểu mẫu văn bản trong Tổ Tụng Hình Sự, Tổ Tụng Dân Sự, Tổ Tụng Hành Chính áp dụng tại Tòa án từ năm 2017</i>, Nhà xuất bản Thế giới. Lê Hồng Hải (2016), <i>Hướng dẫn giải quyết tranh chấp các vụ án dân sự</i>, Nhà xuất bản Hồng Đức. Lê Hồng Hải (2017), <i>Sổ tay thẩm phán</i>, Nhà xuất bản Hồng Đức Mai Thanh Hiếu, Nguyễn Chí Công (2008), <i>Trình tự, thủ tục giải quyết vụ án hình sự</i>. Nhà xuất bản Lao động xã hội, Hà Nội.
47	Pháp luật về phòng, chống tham nhũng	Nguyễn Văn Kim, Nguyễn Huy Hoàng (2003), <i>Pháp luật chống tham nhũng của các nước trên thế giới</i>, Nhà xuất bản Văn hóa dân tộc. Nguyễn Duy Phương (2013), <i>Giáo trình Luật khiếu nại tố cáo</i>, Nhà xuất bản Đại học Huế.
48	Luật Dân sự 2	Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh, <i>Giáo trình pháp luật về hợp đồng và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng</i>, NXB Hồng Đức, 2021. Nguyễn Ngọc Điện, <i>Giáo trình luật Dân sự phần 2</i>, NXB Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Hồ Chí Minh, 2019. Đỗ Văn Đại, <i>Các biện pháp xử lý việc không thực hiện đúng hợp đồng trong pháp luật Việt Nam</i>, NXB Hồng Đức, 2019. Đỗ Văn Đại, <i>Luật hợp đồng Việt Nam bản án và bình luận bản án tập 1</i>, NXB Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, 2017. Đỗ Văn Đại, <i>Luật hợp đồng Việt Nam bản án và bình luận bản án tập 2</i>, NXB Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, 2017. Nguyễn Minh Tuấn (Chủ biên), <i>Bình luận khoa học Bộ luật Dân sự của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam năm 2015</i>, NXB Tư pháp, 2016.
49	Luật Hôn nhân và gia đình	Nguyễn Thị Chi (2018), <i>Bình luận Luật Hôn nhân và gia đình</i>, Nhà xuất bản Lao động. Nguyễn Ngọc Điệp (2018), <i>So sánh luật hôn nhân và gia đình năm 2000 - năm 2014 và các văn bản pháp luật về dân sự, hôn nhân, gia đình mới nhất</i>, Nhà xuất bản Thế giới. Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh (2016), <i>Giáo trình luật hôn nhân và gia đình Việt Nam</i>, Nhà xuất bản Hồng Đức.
50	Luật đất đai	Trần Quang Huy (2018), <i>Giáo trình Luật đất đai</i>, Nhà xuất bản Công an nhân dân, Hà Nội.

STT	Tên học phần	Học liệu tham khảo
		Trường Đại học Luật Hà Nội,(2016) <i>Giáo trình Luật đất đai</i> , Nhà xuất bản Công an nhân dân, Hà Nội. Lưu Quốc Thái (2015), <i>Giáo trình Luật đất đai</i> , Nhà xuất bản Hồng Đức, Hà Nội.
51	Luật tổ tụng dân sự	Trường Đại học Luật Hà Nội (2017), <i>Giáo trình Luật Tổ tụng dân sự Việt Nam</i> , NXB Công an nhân dân, Hà Nội Trần Anh Tuấn (2016), <i>Bình luận khoa học bộ luật tố tụng Dân sự 2015</i> , NXB Tư pháp, Hà Nội. Nguyễn Ngọc Duy (2013), <i>Kỹ năng nghiên cứu hồ sơ vụ án dân sự và chỉ dẫn áp dụng pháp luật tố tụng dân sự</i> , NXB Văn Hóa-Thông Tin, Hà Nội.
52	Pháp luật về quy hoạch và giải phóng mặt bằng	Phan Trung Hiền, <i>Những điều cần biết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất</i> , NXB Chính trị Quốc gia sự thật,(2021), Hà Nội; Trần Thanh Tiền, <i>Quy trình pháp lý thu hồi đất, trưng dụng đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và giải quyết khiếu nại, tố cáo, khởi kiện của người có đất thu hồi, trưng dụng</i> , NXB Xây dựng ,(2021), Hà Nội. Phạm Hương Lan (2018), <i>Bình luận khoa học luật đất đai 2013</i> , NXB Lao Động, Hà Nội. Trường Đại học Luật TPHCM (2015), <i>Giáo trình luật đất đai</i> , NXB Hồng Đức, thành phố Hồ Chí Minh.
53	Pháp luật công chứng - luật sư - thừa phát lại - đấu giá	Lê Thu Hà (chủ biên) (2010), <i>Giáo trình kỹ năng công chứng</i> , Nhà xuất bản Tư pháp, Hà Nội. Nguyễn Quang Minh (2010), <i>Tìm hiểu chế độ thừa phát lại và các biểu mẫu nghiệp vụ của văn phòng thừa phát lại</i> , Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội. Trương Nhật Quang (2022), <i>Kỹ năng hành nghề luật sư</i> , NXB Dân trí, Hà Nội.
54	Luật An ninh mạng	Bộ Thông tin và truyền thông (2019), <i>Quy định về an toàn thông tin</i> , Nhà xuất bản Thông tin và truyền thông, Hà Nội. Nguyễn Quang Chiến (2019), <i>Chính sách, pháp luật về an ninh thông tin của các nước trên thế giới</i> , Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
55	Luật Hình sự 2	Nguyễn Ngọc Điệp, <i>Bình luận khoa học phần các tội phạm Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017</i> , Nxb Thế giới, 2017. Đinh Văn Quế, <i>Bình luận Bộ Luật Hình Sự năm 2015 - Phần Các Tội Phạm Chương XIV</i> , Nhà xuất bản Thông tin

STT	Tên học phần	Học liệu tham khảo
		và Truyền thông, 2018. Đinh Văn Quế, Bình luận Bộ Luật Hình Sự năm 2015 - Phần Các Tội Phạm Chương XV, Chương XXIII, Nhà xuất bản Thông tin và Truyền thông, 2019. Đinh Văn Quế, Bình luận Bộ Luật Hình Sự năm 2015 - Phần Các Tội Phạm Chương XVI, Chương XXVII, Nhà xuất bản Thông tin và Truyền thông, 2019. Đinh Văn Quế, Bình luận Bộ Luật Hình Sự năm 2015 - Phần Các Tội Phạm Chương XXI, Nhà xuất bản Thông tin và Truyền thông, 2020. Đinh Văn Quế, Bình luận Bộ Luật Hình Sự năm 2015 - Phần Các Tội Phạm Chương XX, Nhà xuất bản Thông tin và Truyền thông, 2021. Đinh Văn Quế, Bình luận Bộ Luật Hình Sự năm 2015 - Phần Các Tội Phạm Chương XXIV, Nhà xuất bản Thông tin và Truyền thông, 2021.
56	Luật Đầu tư	Luật Doanh nghiệp năm 2020 Nguyễn Thị Thu Hoài, <i>Một số nội dung cơ bản của môn Luật Đầu tư</i>, Nxb Thanh niên, 2021. Vương Thanh Thúy, <i>Điểm mới của Luật Đầu tư 2020 dành cho doanh nghiệp</i>, Nxb Hồng Đức, 2021
57	Kỹ năng soạn thảo văn bản	Quang Minh, Tuyển chọn 238 mẫu soạn thảo văn bản thường dùng trong các cơ quan đơn vị hành chính sự nghiệp, Nxb Tài chính, 2015. Trần Thị Thu Hương, <i>Kỹ thuật soạn thảo và quản lý văn bản</i>, Nxb Phương Đông, 2014. Nguyễn Đăng Dung, <i>Giáo trình Kỹ thuật soạn thảo văn bản</i>, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2014.
58	Pháp luật về kinh doanh dịch vụ Logistics	Bộ luật Dân sự 2015 Đặng Đình Đào, <i>Dịch vụ Logistics ở Việt Nam trong tiến trình hội nhập quốc tế</i>, Nxb Dân trí, 2019. Hà Minh Hiếu, <i>Quản trị Logistics và chuỗi cung ứng</i>, Nxb Tài chính, 2022.
59	Pháp luật về giao dịch bảo đảm	Trương Thanh Đức, <i>9 biện pháp bảo đảm nghĩa vụ hợp đồng</i>, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, 2021. Vũ Thị Hồng Yến, <i>Tài sản thế chấp và xử lý tài sản thế chấp theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015</i>, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia sự thật, 2019. Đỗ Văn Đại, <i>Luật hợp đồng Việt Nam Bản án và bình luận bản án Tập 1</i>, Nxb Hồng Đức, 2020. Đỗ Văn Đại, <i>Luật hợp đồng Việt Nam Bản án và bình luận bản án Tập 2</i>, Nxb Hồng Đức, 2020. Đỗ Văn Đại, <i>Luật bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng Bản án và bình luận bản án Tập 1</i>, Nxb Hồng Đức, 2021. Đỗ Văn Đại, <i>Luật bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng Bản án và bình luận bản án Tập 2</i>, Nxb Hồng Đức,

STT	Tên học phần	Học liệu tham khảo
		2021.
60	Pháp luật về kinh doanh bất động sản	Nguyễn Quang Tuyền, Bình luận khoa học Luật Kinh doanh bất động sản (hiện hành) sửa đổi, bổ sung năm 2020, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, 2020. Nguyễn Minh Oanh, Bình luận Luật kinh doanh bất động sản năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành, Nxb Lao động, 2019. Nguyễn Thị Phương, Pháp luật về môi giới, đầu tư kinh doanh bất động sản, nhà ở và đất đai, Nxb Lao động, 2018
61	Luật tố tụng hình sự	Nguyễn Ngọc Anh, <i>Bình luận khoa học Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2021)</i>, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, 2021. Trần Quang Hiền, <i>Bình luận án hình sự phức tạp, có nhiều quan điểm khác nhau trong quá trình tiến hành tố tụng và một số án lệ, quyết định giám đốc thẩm</i>, Nxb Lao động, 2022. Nguyễn Ngọc Chí, <i>Giáo trình Những nguyên tắc cơ bản của luật tố tụng hình sự</i>, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2018.
62	Luật thuế	Trường Đại học kinh tế quốc dân (2020), <i>Giáo trình Thuế</i>, Nhà xuất bản Đại học kinh tế quốc dân, Hà Nội. Trường Đại học Kinh tế quốc dân (2019), <i>Thuế và Kế toán thuế trong doanh nghiệp</i>, Nhà xuất bản Tài chính, Tp. Hồ Chí Minh. Thiên Ân, Quyết Thắng (2018), <i>Chỉ dẫn pháp luật về một số lĩnh vực thuế</i>, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội. Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh (2016), <i>Giáo trình Luật thuế</i>, Nhà xuất bản Hồng Đức, Tp. Hồ Chí Minh. Tăng Bình - Ái Phương (2022), <i>Chính sách Thuế, hỗ trợ người nộp thuế áp dụng trong các loại hình doanh nghiệp</i>, Nhà xuất bản Hồng Đức, Tp. Hồ Chí Minh. Tăng Bình - Ái Phương (2022), <i>Hướng dẫn chi tiết thực hiện việc đăng ký thuế, khai thuế, tính thuế, ấn định thuế, nộp thuế, sử dụng hóa đơn, chứng từ điện tử và mức xử phạt các hành vi vi phạm có liên quan (áp dụng từ năm 2022)</i>, Nhà xuất bản Tài chính, Tp. Hồ Chí Minh.
63	Pháp luật về sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ	Phùng Trung Tập (2021), <i>Quyền sở hữu trí tuệ, bảo vệ và chuyển giao</i>, Nhà xuất bản Công an nhân dân, Hà Nội. Vũ Mạnh Chu, Vũ Thùy Dương (2022), <i>Giáo trình Quyền tác giả, quyền liên quan trong hoạt động xuất bản</i>, Nhà xuất bản Thông tin và truyền thông, Hà Nội. Trần Kiên (2020), <i>Sự xung đột giữa quyền con người và quyền sở hữu trí tuệ</i>, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.

STT	Tên học phần	Học liệu tham khảo
		Trường Đại học Luật Tp.HCM (2019), <i>Sách tình huống (Bình luận bản án) Luật sở hữu trí tuệ Việt Nam</i> , Nhà xuất bản Hồng Đức - Hội luật gia Việt Nam, Hà Nội.
64	Kỹ năng tư vấn pháp luật	Học viện Tư pháp (2020), <i>Giáo trình Kỹ năng tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp (phần chuyên sâu)</i> , Nhà xuất bản Tư Pháp, Hà Nội. Trương Nhật Quang (2022), <i>Kỹ năng hành nghề luật sư tư vấn- Chia sẻ kinh nghiệm hành nghề thực tế tại Việt Nam</i> , Nhà xuất bản Dân trí, Hà Nội. Nguyễn Thị Vân Anh, Nguyễn Thị Minh Huệ (2020), <i>Giáo trình Kỹ năng tư vấn pháp luật và tham gia giải quyết tranh chấp ngoài Tòa án của Luật sư</i> , Nhà xuất bản Tư pháp, Hà Nội. Học viện Tư pháp (2020), <i>Giáo trình Kỹ năng tham gia giải quyết các vụ việc hành chính</i> , Nhà xuất bản Tư pháp, Hà Nội. Học viện Tư pháp (2012), <i>Giáo trình Kỹ năng tư vấn pháp luật</i> , Nhà xuất bản Công an nhân dân, Hà Nội.
65	Đạo đức nghề luật	Ngô Thị Ngọc Vân, Tống Thị Thanh Thanh (2021), <i>Luật sư và đạo đức nghề luật sư</i> , Nhà xuất bản Tư pháp, Tp. Hồ Chí Minh. Phan Chí Hiếu, Nguyễn Văn Huyền (2011), <i>Đạo đức nghề luật</i> , Nhà xuất bản Tư pháp, Tp. Hồ Chí Minh. Nguyễn Văn Tuấn, <i>Pháp luật về Luật sư và đạo đức nghề nghiệp Luật sư</i> , Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Tp.HCM.
66	Luật chứng khoán	Phạm Thị Giang Thu (2020), <i>Pháp luật về giao dịch điện tử trên thị trường chứng khoán ở Việt Nam</i> , Nhà xuất bản Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội. Nguyễn Thanh Phương (2020) <i>Giáo trình Thị trường chứng khoán</i> , Nhà xuất bản Lao động- Xã hội, Hà Nội.
67	Luật tài chính nhà nước	Trần Thị Thanh Tú (2021), <i>Giáo trình Phân tích tài chính</i> , Nhà xuất bản Đại học quốc gia Hà Nội. Bùi Hữu Phước (2020), <i>Tài chính doanh nghiệp</i> , Nhà xuất bản tài chính, Thành phố Hồ Chí Minh. Phùng Thị Cẩm Châu (2019), <i>Hướng dẫn nhập môn Luật Tài Chính</i> , Nhà xuất bản Tư pháp, Hà Nội. Nguyễn Văn Tuyền (2015), <i>Giáo trình Luật ngân sách nhà nước</i> , Nhà xuất bản Công an nhân dân, Hà Nội.
68	Phương pháp nghiên cứu khoa học luật	Trường Đại học Luật Tp. HCM (2020), <i>Giáo trình Kỹ năng nghiên cứu và lập luận</i> , Nhà xuất bản Hồng Đức, Tp. HCM. Nguyễn Ngọc Điện (2020), <i>Phương pháp phân tích luật viết</i> , Nhà xuất bản Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội. Đỗ Minh Khôi, Dương Hồng Thị Phi Phi, Phạm Thị Phương Thảo (2020), <i>Phương pháp, quy trình và kỹ thuật nghiên cứu cơ bản trong khoa học pháp lý</i> , Nhà xuất bản

STT	Tên học phần	Học liệu tham khảo
		Đại học Quốc gia Tp.HCM. Vũ Cao Đàm (2018), <i>Giáo trình Phương pháp luận nghiên cứu khoa học</i> , Nhà xuất bản Đại học quốc gia Tp. HCM. Phạm Duy Nghĩa (2014), <i>Phương pháp nghiên cứu Luật học</i> , Nhà xuất bản Công an nhân dân.
69	Luật Đấu thầu	Nguyễn Thị Tuyết Nhung, Phạm Thị Tuyết, Bùi Mạnh Hùng (2019), <i>Đấu thầu trong xây dựng</i> , Nhà xuất bản Xây dựng, Hà Nội. Thùy Linh (2018), <i>Cẩm nang công tác Đấu thầu, Quy định chi tiết về lựa chọn nhà thầu qua hệ thống mạng đấu thầu quốc gia đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp, dịch vụ phi tư vấn</i> , Nhà xuất bản Lao động, Hà Nội.

20. ĐỐI SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VỚI CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRONG NƯỚC

20.1 Đối sánh trong nước

Nội dung	Trường ĐH KTCN CT	Trường ĐH Luật Hà Nội	Trường ĐH Luật TP.HCM
Tổng số tín chỉ	141	129	124
1. Kiến thức đại cương	40	25	20
2. Kiến thức chuyên nghiệp	101	88	104
Trong đó:			
2.1 Số tín chỉ thuộc kiến thức tốt nghiệp	10	16	05
2.2 Số tín chỉ thực tập, thực tế	10	07	05
3. Thời gian đào tạo	8 học kỳ, 4 năm	8 học kỳ, 4 năm	8 học kỳ, 4 năm

21. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN (PHỤ LỤC ĐÍNH KÈM)

Cần Thơ, ngày 10...tháng 11...năm 2021
KHOA KHOA HỌC XÃ HỘI
TRƯỜNG KHOA



Trương Minh Nhật Quang

P. ĐÀO TẠO

Nguyễn Minh Tuấn

Lưu Thu Thủy

PHỤ LỤC